

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

BÀI 1: TTHCM KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

1. Đặt vấn đề

Từ Đại hội Đảng lần thứ 2 (2/1951) Đảng ta đã khẳng định vai trò, ý nghĩa to lớn của đường lối chính trị, tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh đối với Cách Mạng Việt Nam.

Đến Đại hội Đảng lần thứ 7 (6/1991). Đảng ta trân trọng ghi vào văn kiện ĐH: Đảng lấy tư tưởng Lenin, tư tưởng HCM làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho hành động.

Đến Đại hội Đảng lần thứ 9 (4/2001) Đảng ta lại khẳng định và làm rõ thêm những nội dung cơ bản của tư tưởng HCM.

Đây là sự tổng kết sâu sắc, bước phát triển mới của nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta và là một quyết định lịch sử, đáp ứng yêu cầu phát triển của CM nước ta và tình cảm, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn Dân ta.

2. Khái niệm

Khái quát khái niệm TTHCM, Báo cáo chính trị Đại hội 9 (tháng 4/2001) khẳng định: “TTHCM là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của CMVN, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo CN Mác Lênin, vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, bao gồm:

- Tư tưởng HCM về dân tộc và Cách Mạng giải phóng dân tộc.
- Tư tưởng HCM về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.
- Tư tưởng HCM về Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- Tư tưởng HCM về Đại Đoàn Kết dân tộc.
- Tư tưởng HCM về Quân sự.
- Tư tưởng HCM về Xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- Tư tưởng HCM về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.
- Tư tưởng đạo đức HCM.
- Tư tưởng nhân văn HCM.
- Tư Tưởng văn hóa HCM.

TTHCM soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta, tiếp tục soi sáng để nhân dân ta tiến lên xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất độc lập và XHCN giàu mạnh.

3. Nguồn gốc

1. BỐI CẢNH XUẤT HIỆN TTHCM:

1.1. Tình hình thế giới:

Giữa thế kỷ 19, Chủ nghĩa Tư bản từ tự do cạnh tranh đã phát triển sang giai đoạn Đế quốc Chủ Nghĩa, xâm lược nhiều thuộc địa (10 Đế quốc lớn Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan . . . dân số: 320.000.000 người, diện tích: 11.407.000 km²).

Bên cạnh mâu thuẫn vốn có là mâu thuẫn giữa Tư sản và Vô sản, làm nảy sinh mâu thuẫn mới là mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa và các nước Chủ nghĩa Đế quốc, phong trào giải phóng dân tộc dâng lên mạnh mẽ nhưng chưa ở đâu giành được thắng lợi.

Chủ Nghĩa Tư bản phát triển không đều, một số nước Tư bản gây chiến tranh chia lại thuộc địa làm đại chiến Thế giới 2 nổ ra, Chủ Nghĩa Đế Quốc suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho Cách Mạng Tháng 10 nổ ra và thành công, mở ra thời đại mới, thời đại quá độ từ Chủ Nghĩa Tư Bản lên Chủ Nghĩa Xã Hội, làm phát sinh mâu thuẫn mới giữa Chủ Nghĩa Tư Bản và Chủ Nghĩa Xã hội.

Cách mạng Tháng 10 và sự ra đời của Liên Xô, của quốc tế 3 tạo điều kiện tiền đề cho đẩy mạnh Cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa phát triển theo xu hướng và tính chất mới.

1.2. Hoàn cảnh Việt Nam:

Trước khi Pháp xâm lược, nước ta là một nước phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chính quyền phong kiến suy tàn, bạc nhược khiến nước ta không phát huy được những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên, trí tuệ, không tạo đủ sức mạnh chiến thắng sự xâm lược của thực dân Pháp.

Từ giữa 1958 từ một nước phong kiến độc lập, Việt Nam bị xâm lược trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Với truyền thống yêu nước anh dũng chống ngoại xâm, các cuộc khởi nghĩa của dân ta nổ ra liên tiếp, rầm rộ nhưng đều thất bại.

Các phong trào chống Pháp diễn ra qua 2 giai đoạn:

Từ 1858 đến cuối Thế kỷ 19, các phong trào yêu nước chống Pháp diễn ra dưới dự dẫn dắt của ý thức hệ Phong kiến nhưng đều không thành công: như Trương Định, Đồ Chiểu, Thủ Khoa Huân. Nguyễn Trung Trực (Nam Bộ); Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng, Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Xuân Ôn (Trung Bộ); Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Quý Bình, Hoàng Hoa Thám (Bắc Bộ).

Sang đầu thế kỷ 20, xã hội Việt Nam có sự phân hóa sâu sắc: giai cấp CN, Tư sản dân tộc, tiểu tư sản ra đời, các cuộc cải cách dân chủ tư sản ở Trung Quốc của Khang Hiêu Vi, La Khải Siêu (dưới hình thức Tân Thư, Tân Sinh) tác động vào Việt Nam làm cho phong trào yêu nước chống Pháp chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản gắn với phong trào Đông Du, Việt Nam Quang Phục Hội của Phan Bội Châu, Đông Kinh Nghĩa Thục của Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Duy Tân của Phan Chu Trinh,... do các sĩ phu phong kiến lãnh đạo. Nhưng do bất cập với xu thế lịch sử nên đều thất bại (12/1907 Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, 4/1908 cuộc biểu tình chống thuế ở miền Trung bị đàn áp mạnh mẽ, 1/1909 căn cứ Yên Thế bị đánh phá; phong trào Đông Du bị tan rã, Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi nước 2/1909, Trần Quý Cáp, Nguyễn Hằng Chi lãnh tụ phong trào Duy Tân ở miền Tây bị chém đầu... Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn bị đày ra Côn Đảo,... Tình hình đen tối như không có đường ra.

Trước bế tắc của Cách Mạng Việt Nam và bối cảnh thế giới đó, Nguyễn Tất Thành tìm đường cứu nước, từng bước hình thành tư tưởng của mình, đáp ứng những đòi hỏi bức xúc của dân tộc và thời đại.

2. NGUỒN GỐC TTHCM:

Tư tưởng HCM bắt nguồn từ những nhân tố cơ bản sau đây:

2.1. Truyền thống lịch sử văn hóa của dân tộc Việt Nam:

Là người con ưu tú nhất của dân tộc, Tư tưởng HCM bắt nguồn trước hết từ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc; quê hương gia đình.

Chủ Nghĩa yêu nước Việt Nam:

Tinh thần anh hùng bất khuất trong công cuộc dựng nước và giữ nước là dòng chảy xuyên suốt lịch sử, là nhân tố đứng đầu, là giá trị tinh thần con người Việt Nam, là đạo lý làm

người, là niềm tự hào dân tộc, là bản sắc văn hóa tạo thành động lực, thành sức mạnh tồn tại và phát triển của dân tộc suốt 4000 năm.

ĐH 2 (2/1957) HCM khẳng định: “Dân tộc ta có một lòng yêu nước nồng nàn, đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước”.

Truyền thống đoàn kết tương thân tương ái:

Nhân nghĩa, thủy chung, cứu mang đùm bọc, lá lành đùm lá rách,... truyền thống này bắt nguồn từ yêu cầu chống thiên tai thường xuyên của dân tộc. Kế thừa nâng cao truyền thống này trong quá trình Cách mạng, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cán bộ, Đảng viên, Nhân dân ta phải thực hiện bốn chữ: Đồng lòng, Đồng sức, Đồng tình, Đồng minh.

Truyền thống thông minh, sáng tạo, cần cù, nhẫn nại:

Trong lao động sản xuất và chống xâm lược

Truyền thống hiếu học, cầu tiến, hòa hợp, lạc quan yêu đời:

Luôn sẵn sàng đón nhận những tinh hoa văn hóa của nhân loại, những tư tưởng bài ngoại, thủ cựu, hẹp hòi, cực đoan đều xa lạ với truyền thống con người Việt Nam, Bác Hồ là biểu hiện sống động của truyền thống tốt đẹp này.

Hồ Chí Minh tiếp thu truyền thống tốt đẹp của dân tộc bắt đầu từ truyền thống quê hương, gia đình.

Nghệ Tĩnh, quê hương người là mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, là vùng địa linh, nhân kiệt, nơi sản sinh nuôi dưỡng nhiều anh hùng dân tộc như Mai Thúc Loan (chống nhà Đường, xây thành Vạn An 722), Nguyễn Biểu, tướng nhà Trần, Đặng Dung, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phạm Hồng Thái, Trần Phú; nơi có thành quách, đại vạc, đại huệ do Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương xây dựng, có di tích thành Lục Niên do Lê Lợi xây dựng.

Là nơi con người hiếu học: sự học như một nghề luôn được quan tâm, lo lắng, hãnh diện, tự hào, luôn hướng tới sự thành đạt bằng nghề đèn sách, khoa bảng.

Nơi sinh đại thi hào, danh nhân Nguyễn Du, từ 1635 – 1901 có 193 người đậu tú tài, cử nhân, có một Nguyễn Sinh Sắc đậu đại khoa phó bảng.

Truyền thống gia đình: Tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn trước hết từ truyền thống gia đình bên nội, ngoại, nhất là Tư tưởng, phong cách của Nguyễn Sinh Sắc_ Thân sinh Hồ Chí Minh.

Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là người bị mồ côi cha, mẹ từ nhỏ, nhà nghèo, thông minh, có ý chí kiên cường, nghị lực quả cảm phi thường, khắc phục mọi khó khăn quyết thực hiện bằng được chí hướng của mình, chiếm lĩnh đỉnh cao của trí tuệ, là người sống gần gũi với dân, có lòng thương dân sâu sắc, ông chủ trương dựa vào dân để thực hiện mọi cải cách Chính trị, xã hội, thường xuyên xắn tay con đường cứu nước, cứu dân, luôn liên hệ với Phan Bội Châu, Nguyễn Thiệu Quý, Trần Thái, ... những người có tư tưởng yêu nước mưu đại sự.

Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng sâu sắc lòng vị tha, nhân hậu, thủy chung cần mẫn của người mẹ, tình yêu thương nhân hậu sâu nặng của ông bà ngoại,...

Tất cả những nhân cách gần gũi, thân thương đó là tác động mạnh mẽ tới việc hình thành nhân cách Hồ Chí Minh từ tấm bé.

2.2. Tinh hoa văn hóa nhân loại:

Tinh hoa văn hóa phương Đông:

Trước hết là Nho giáo: Hồ Chí Minh coi trọng kế thừa và phát triển những mặt tích cực của Nho giáo. Đó là thứ triết học hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời, triết lý nhân sinh: tu thân, dưỡng tính, đề cao văn hóa, đạo đức, lễ giáo, nhân nghĩa, Trí, Tín, Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Người phê phán những hạn chế, tiêu cực của Nho giáo như tư tưởng đẳng cấp, quân tử, tiểu nhân, chính danh định phận, coi khinh phụ nữ, lao động chân tay, thuế nghiệp doanh lợi,...

Với Phật giáo, người tiếp thu tư tưởng vị tha, chân, thiện, từ bi, cứu nạn, cứu khổ, thương người như thể thương thân, lối sống đạo đức, trong sạch giản dị, chăm làm điều thiện (không nói dối, không tà dâm, không sát sinh, không trộm cắp, không uống rượu,...)

Phật giáo Thiên tông vào Việt Nam đề ra luật chấp tác: Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực, thiên phái Trúc Lâm Việt Nam chủ trương nhập thế gắn với dân chống kẻ thù xâm lược.

Người tiếp thu lòng nhân ái, hi sinh cao cả của Thiên chúa giáo.

Người tiếp thu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc)

Người viết:

Đức Phật là đấng từ bi cứu nạn cứu khổ.

Học thuyết của Không Tử có ưu điểm là tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phép biện chứng.

Chủ Nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách Tam dân thích hợp với ta. Không Tử, Giê Su, Mác, Đức Phật, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm đó sao? Các vị ấy đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, cho xã hội. Nếu các vị ấy còn sống trên cõi đời này, nếu các vị ấy hợp lại một chỗ, tôi tin rằng các vị ấy nhất định sẽ sống với nhau hoàn mỹ như những người bạn thân nhất.

Tôi nguyện là học trò nhỏ của các vị ấy.

Tinh hoa văn hóa Phương Tây:

Xuất thân từ gia đình khoa bảng, tư chất thông minh, trình độ quốc học, hán học vững vàng, người học hỏi không ngừng khi bốn ba năm châu bốn biển, đã thông thái những ngôn ngữ tiêu biểu cho nền văn minh của nhân loại, người am tường văn hóa Đông, Tây, kim cổ, người tượng trưng cho sự kết hợp hài hòa văn hóa Đông Tây.

Nguyễn Sinh Sắc (1863 – 1929) 66 tuổi: mồ côi cha lúc 3 tuổi, mồ côi mẹ lúc 4 tuổi, ở với người anh nhà nghèo lao động vất vả.

Ông được cụ Hoàng Đường (ông Đồ) ở Hoàng Trù xin về nuôi dạy cho ăn học và gả con gái (Hoàng Thị Loan 1868 – 1901).

Ông rất thông minh, có chí lớn học hành vào loại tứ hổ trong vùng (uyên bác bắt như San, tài hoa bắt như Quý, chương ký bắt như Lương, thông minh bắt như Sắc: nghĩa là uyên bác không ai bằng Phan Văn San, tài hoa không ai sánh bằng Nguyễn Thúc Quý, tài giỏi không ai qua Trần Văn Lương, thông minh không ai địch nổi Nguyễn Sinh Sắc).

- 1883: Xây dựng gia đình:
- 1884 sinh Nguyễn Thị Thanh (Bạch Liên).
- 1888 sinh Nguyễn Tất Đạt _ Nguyễn Sinh Khiêm.
- 1890 sinh Nguyễn Tất Thành _ Nguyễn Sinh Cung
- 1893 cụ Hoàng Đường mất.
- 1894 thi hương đậu cử nhân.

- 1895 vào Huế thi đại khoa không đậu.
 - 1896 vào Huế học ở Quốc Tử Giám (cả nhà vào Huế, cuộc sống rất khó khăn: Khiêm Cung = Khom Công = Không Cơm).
 - 1898 thi lần 3 không đậu.
 - Tháng 8/1900 đi làm thư kí hội đồng thi hương ở Thanh Hóa, ở Huế bà Loan sinh con thứ 4 và mất 22 tháng chạp. 10 tuổi, Nguyễn Sinh Cung phải chịu mất mát quá lớn. Tết năm đó một mình bé bồng bế người em út mẹ mới sinh thờ cúng mẹ trong tang thương, hương khói, hoa huệ trên bàn thờ, trên mộ. Trong lúc bố và các anh chị xa vắng, ấn tượng đó khắc sâu tâm khảm, người đi suốt đời.
 - 5/1901 lo tang cho vợ con xong, ông vào Huế thi và lần này đậu phó bảng. Sau mấy thế kỷ mới có người đỗ đạt cao như vậy. (Dân mang kèn trống, vồng lọng, cờ biển ra rước, nhưng ông nói (tôi đậu cũng chẳng có ích gì cho bà con hàng xóm mà bà con phải đón rước); 200 quan, không lên đài lễ lấy lý do vợ con mới mất, lấy tiền, lấy gạo chia cho dân nghèo làm vốn sản xuất, có người giữ được vốn đó đến 1945.
- Có người gọi ông là “quan phó bảng” ông viết: vật dĩ quan gia, vi ngô phong dạng...
- 1905 sau nhiều lần từ chối (1902, 1903, 1904) ông phải vào Huế làm việc ở triều đình với chức “THỪA BIỆN BỘ LỄ” (Bộ lễ lo lễ nghi, thiên văn, bói toán, học hành, bình thơ)
- Nhất là bộ lại bộ binh
 Nhì thì bộ hộ, bộ hình
 Thứ ba thì đền bộ công
 Nhược bằng bộ lễ lạy ông tôi về.
- Người ta nói: người khác vào triều để vinh thân phì gia, còn Nguyễn Sinh Sắc vào làm quan là để che thân. Có người xin theo ông nói: “Quan trường thị nô lệ, trong chi nô lệ, hựu nô lệ”
- 1908 ông bị triều đình khiển trách vì để Nguyễn Tất Thành, Đạt tham gia biểu tình chống thuế.
 - 1909 Triều đình điều ông đi làm tri huyện Bình Khê: ông thường bỏ huyện đường đi (không mang theo lính lệ) dân xếp đất đai, ông thường phàn nàn: nước mắt không lo,..., ông tìm cách thả tù chính trị.

- Giữa 1910, Nguyễn Tất Thành lên Bích Khê. Ông hỏi: “Con lên đây làm gì? Con lên tìm cha, ông trù mền nói: nước mất không lo tìm, tìm cha phỏng có ích gì”
- Sau đó cha con chia ly lịch sử ở cầu Bà Đi của hai cha con.
- Sau đó ông bị Triệt hồi chức Tri huyện do lơ là công việc ở huyện đường, thả tù chính trị, xử tù địa chủ Tạ Đức Quang, đánh đòn hấn, sau hai tháng hấn chết, vợ hấn kiện, ông bị bắt giam, bị xử đánh 100 trăm trượng, nhưng xét không có thù oán gì nên tha tội.
- Ba mươi (30) năm sống ở nước ngoài, chủ yếu ở Châu Âu, người chịu ảnh hưởng sâu rộng những giá trị văn hóa dân chủ và cách mạng của phương Tây.
- Người tiếp thu tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của đại Cách mạng Pháp (Khi học ở Vinh, ở Huế, người đã chủ tâm tìm hiểu những tư tưởng này, sau này khi trở lại Pháp 1917, người tiếp thu tận gốc những phương pháp này trong các tác phẩm của các nhà khai sáng Pháp: Mông Teskiô, Rút xô, Vin Tie)
- Nghiên cứu Cách mạng Tư sản Mỹ 1776, người tiếp thu tư tưởng tự do, nhân quyền. Trong tuyên ngôn độc lập của Mỹ, người gia nhập công đoàn thủy thủ và tham gia các cuộc đấu tranh của chủ nghĩa chống Tư bản (lần đầu bước vào hoạt động chính trị)
- Cuộc sống, lao động và hoạt động Cách Mạng của Người gắn liền với những người lao động, giai cấp Công nhân ở các nước chính quốc, thuộc địa đã mang lại cho Người tình yêu thương giai cấp, yêu thương những người lao động, những người cùng khổ một cách sâu sắc.
- Vận dụng những tư tưởng tiến bộ và Cách mạng của Cách mạng Pháp, Mỹ vào các cuộc sinh hoạt ở câu lạc bộ “Gia cô Banh” (xuất hiện lúc đại Cách mạng Pháp 1789, ở đó người ta trao đổi đủ thứ: từ kinh tế đến chính trị, văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo, thiên văn, địa lý, thời miên, trồng cải soong, nuôi ốc sên,..., siêu hình thuyết mộng du, luân hồi, Người thường lái những cuộc tranh luận đó sang vấn đề Việt nam, vấn đề thuộc địa,..) ở câu lạc bộ “Phô Bua” (do Đảng xã hội Pháp tổ chức, là tổ chức duy nhất bênh vực các dân tộc thuộc địa): Người phê phán Phong Kiến Việt Nam, khẳng định phê phán toàn quyền Đông Dương An Be Xa Rô; Liôtây. Varen,... Thông qua sinh hoạt phong cách dân chủ của người điển hình trong thực tiễn, là cơ sở để hình thành chính kiến trong Đại hội Đảng xã hội Pháp ở Tua 1920 và trở thành người Cộng Sản.

- Nhờ tiếp thu tư tưởng dân chủ Cách mạng, phương pháp, phong cách làm việc khoa học và được rèn luyện trong phong trào CN, sinh hoạt ở Đảng xã hội, Đảng Cộng Sản Pháp, được sự dìu dắt của các nhà văn hóa, khoa học, lịch sử, trí thức Pháp như M Ca Sanh, P.Cuturie, G Mông Mut Xê, Long Ghê, Lion Blum,... Nguyễn Ái Quốc trưởng thành dần về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

2.3. Chủ nghĩa Mác Lê Nin – Thế giới quan, phương pháp luận của tư tưởng HCM

Chủ nghĩa Mác Lê Nin là đỉnh cao trí tuệ nhân loại bao gồm 3 bộ phận cấu thành:

Triết học giúp Hồ Chí Minh hình thành thế giới quan, phương pháp biện chứng, nhân sinh quan, khoa học, Cách Mạng, thấy được những quy luật vận động phát triển của thế giới và xã hội loài người. Kinh tế chính trị học vạch rõ các quan hệ xã hội được hình thành phát triển gắn với quá trình sản xuất, thấy được bản chất bóc lột của chủ nghĩa Tư bản đối với CN, xóa bỏ bóc lột gắn liền với xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản

Chủ Nghĩa xã hội KH vạch ra quy luật phát sinh, hình thành, phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, những điều kiện, tiền đề, nguyên tắc, con đường, học thức, phương pháp của giai cấp CN, nhân dân lao động để thực hiện sự chuyển biến xã hội từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cộng sản.

Như vậy, chủ nghĩa Mác Lê Nin với bản chất Cách mạng và khoa học của nó giúp Người chuyển biến từ Chủ nghĩa yêu nước không có khuynh hướng rõ rệt thành người cộng sản, chủ nghĩa yêu nước gắn chặt với chủ nghĩa quốc tế, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thấy vai trò của quần chúng nhân dân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp CN, liên minh công nông trí thức và vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản trong cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, bảo đảm thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Hồ Chí Minh đã vận động sáng tạo Chủ nghĩa Mác Lê Nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, giải đáp được những vấn đề thực tiễn đặt ra, đưa cách mạng nước ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2.4. Những nhân tố chủ quan thuộc về phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh:

Là người có đầu óc thông minh sáng suốt, năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, học vấn uyên bác, năng lực phân tích, so sánh, đối chiếu, tổng hợp sâu sắc.

Có sự khổ công học tập, rèn luyện nhằm chiếm lĩnh vốn trí thức đồ sộ của nhân loại, tiếp thu kinh nghiệm, bề dày của phong trào cộng sản và chủ nghĩa quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc.

Có tấm lòng yêu nước, thương dân, thương yêu những con người cùng khổ vô bờ bến, một chiến sĩ cộng sản quả cảm, nhiệt thành sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc, nhân dân, dân tộc và nhân loại.

Có ý chí nghị lực kiên cường, những phẩm chất được tôi luyện đã quyết định việc Hồ Chí Minh tiếp thu, chọn lọc, chuyên hóa, phát triển những tinh hoa của dân tộc, thời đại thành những tư tưởng đặc sắc độc đáo của mình.

4. Quá trình hình thành

Tư tưởng Hồ Chí Minh không hình thành ngay một lúc mà trải qua bằng quá trình tìm tòi, khảo nghiệm, xác lập, phát triển, hoàn thiện, gắn với quá trình hoạt động Cách mạng phong phú của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành và phát triển qua 5 giai đoạn:

1. Giai đoạn hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng Cách mạng 1890 – 1911:

Thời trẻ sống trong môi trường gia đình, quê hương, Hồ Chí Minh tiếp thu kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa của dân tộc, vốn văn hóa quốc học, hán học và bước đầu tiếp thu văn hóa phương Tây, chứng kiến cảnh sống nô lệ lầm than của dân tộc, tiếp thu tinh thần bất khuất của các bậc cha anh, hình thành hoài bão cứu nước cứu dân.

2. Giai đoạn tiến tới khảo nghiệm 1911 – 1920:

Đi qua 30 nước, chặng đường 22 vạn km, tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn của thế giới, khảo sát cuộc sống của các dân tộc bị áp bức, tiếp xúc với cương lĩnh Lê Nin, tiến thẳng con đường giải phóng dân tộc chân chính.

Người đứng hẳn về quốc tế 3, tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Sự kiện đó đánh dấu bước chuyển biến về bản chất tư tưởng của Người, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác Lê Nin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản.

3. Giai đoạn hình thành cơ bản TTHCM về con đường Cách Mạng Việt Nam 1920 – 1930:

- Hồ Chí Minh hoạt động tích cực trong ban nghiên cứu thuộc địa Đảng Cộng sản Pháp.
- Sáng lập Hội Liên Hiệp thuộc địa.
- Xuất bản báo “Le paria” tuyên truyền chủ nghĩa Mác vào thuộc địa.
- Ngày 13/6/1924 sang “Mascova” dự Đại hội 5 quốc tế cộng sản, Đại hội quốc tế nông dân, Đại hội quốc tế Thanh niên, Quốc tế cứu tế đỏ, công hội đỏ.
- Tháng 12/1924 về Quảng Châu, tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, xuất bản báo Thanh Niên, mở lớp huấn luyện hội Cách Mạng đưa về nước hoạt động.
- Viết tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” và “Đường Cách Mệnh”.
- Tháng 2/1930 chủ trì họp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam, soạn các văn kiện, các văn kiện này cùng với tác phẩm bản án... đường Cách Mệnh,... đánh dấu sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Giai đoạn vượt qua thử thách, kiên trì con đường cách mạng được xác định 1930 – 1941:

Do không sát tình hình Đông Dương, lại bị chi phối bởi quan điểm tả khuynh của Đại hội 6 (1928) quốc tế Cộng Sản đã chỉ trích đường lối Hồ Chí Minh vạch ra trong Hội Nghị 3/2/ 1930 (Cải lương, dân tộc chủ nghĩa dẫn tới hẹp hòi, không quan tâm đấu tranh giai cấp, không quan tâm cách mạng thế giới, không thành lập liên bang Đông Dương)

Vì thế Hội nghị Trung Ương 10/1930, ra “án Nghị quyết”, thủ tiêu văn kiện 3/2/1930, đổi tên Đảng; thời gian này, Hồ Chí Minh tiếp tục hoạt động ở quốc tế Cộng Sản, nghiên cứu chủ nghĩa Mác Lê Nin và chỉ đạo cách mạng Việt Nam, kiên định bảo vệ quyết định của mình.

Đại hội 7 Quốc tế cộng sản (1935) đã tự kiểm điểm, phê bình về khuynh hướng “Ta”, “Cô độc”, “hẹp hòi”, dẫn tới buông lơi ngọn cờ dân tộc, dân chủ để cho các Đảng TTS của các nước nắm lấy chống phá Cách Mạng.

Vì thế ĐH 7 chỉ đạo chuyển hướng chiến lược Cách mạng thế giới, tập trung thành lập mặt trận dân chủ chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Đến 1936, Đảng ta càng thấy được những khuynh hướng biệt phái, cô độc, tả khuynh, hẹp hòi trước đây và chuyển dần hướng chỉ đạo chiến lược, từng bước trở về với đường lối văn kiện 3/2 với tư tưởng Hồ Chí Minh.

5. Giai đoạn hiện thực hóa TTHCM:

Ngày 28/1/1941, Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo Cách Mạng, Người đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tháng 5/1941, chủ trì Hội Nghị Trung Ương 8 quyết định “tạm gác” khẩu hiệu ruộng đất, xóa bỏ vấn đề liên bang Đông Dương, thành lập mặt trận Việt Minh, đại đoàn kết dân tộc, cơ sở liên minh công nông nhờ đó Cách Mạng Tháng 8 thành công. Đó cũng là thắng lợi đầu tiên của Hồ Chí Minh.

Sau cách mạng tháng 8, cả nước phải tiến hành kháng chiến chống Pháp lần 2 và kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc, vừa giải phóng miền Nam. Đây là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh được bổ sung, phát triển hoàn thiện, một loạt vấn đề cơ bản gồm: đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện, xây dựng CNXH ở một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ Tư bản chủ nghĩa bởi điều kiện đất nước bị chia cắt, có chiến tranh, xây dựng Đảng cầm quyền, xây dựng nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân, củng cố phong trào cộng sản, CN quốc tế.

Trước khi qua đời, Người để lại một bản di chúc thiêng liêng kết tinh những giá trị đạo đức, tư tưởng, nhân cách, tâm hồn cao đẹp của một người lãnh tụ vĩ đại, suốt đời phấn đấu hy sinh vì Tổ quốc, nhân dân và nhân loại. Di chúc tổng kết sâu sắc những bài học đấu tranh thắng lợi của CMVN, vạch định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển đất nước sau khi kháng chiến thắng lợi.

Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc di sản tinh thần vô giá của Bác Hồ, ĐH 7 đã khẳng định Đảng lấy chủ nghĩa chủ nghĩa Mác,..., tư tưởng Hồ Chí Minh thật sự là nguồn gốc trí tuệ, động lực thúc đẩy sự nghiệp CMVN.

5. Ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu TTHCM

1. TTHCM là chủ nghĩa Mác Lê Nin ở Việt Nam:

TTHCM hình thành phát triển trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận và nhân sinh quan chủ nghĩa Mác Lê Nin, thuộc hệ tư tưởng giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh đã sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê nin vào đường lối CMVN. Vì vậy, Đại hội 7 nhắc nhở phải học tập TTHCM.

2. Cốt lõi TTHCM là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH:

Suốt đời Hồ Chí Minh đã lựa chọn và nhất quán đi theo con đường đã chọn. Dưới ngọn cờ tư tưởng ấy, cách mạng nước ta đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, mang tầm vóc thời

đại. Cốt lõi của TTHCM là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Độc lập dân tộc là để xây dựng thành công CNXH và ngược lại. Xây dựng CNXH thực chất là giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, con người.

3. TTHCM là mẫu mực của tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường:

Để phát triển đất nước theo định hướng XHCN vững vàng, độc lập dân tộc đòi hỏi phải khai thác nhân tố bên trong, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế, sử dụng có hiệu quả nhân tố đó đòi hỏi phải nâng cao tinh thần tự chủ, tự lực tự cường, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để hoạch định sự phát triển đất nước.

Năm TTHCM là có vũ khí sắc bén tiếp cận thế giới hiện đại, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tới những thuận lợi mới.

BÀI 2: TTHCM VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Đặt vấn đề

Dân tộc là vấn đề mang tính lịch sử. Trước khi dân tộc ra đời, xã hội đã có những hình thức cộng đồng: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc.

Mác, ĂngGen đã nêu những quan điểm cơ bản có tính phương pháp luận để nhận thức và giải quyết vấn đề nguồn gốc, bản chất, những quan điểm cơ bản, thái độ của giai cấp CN và Đảng của giai cấp CN đối với vấn đề dân tộc.

Lê Nin kế thừa và phát triển những quan điểm trên thành một hệ thống lý luận toàn diện, sâu sắc, tạo cơ sở cho cương lĩnh, đường lối, chính sách dân tộc của các Đảng cộng sản về vấn đề dân tộc.

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

Các dân tộc có quyền tự quyết trong việc lựa chọn chế độ chính trị, xu hướng phát triển đi lên.

Đoàn kết giai cấp CN, những người lao động chính quốc và thuộc địa chống CNĐQ, khắc phục tâm lý dân tộc nước lớn, kỳ thị dân tộc, tự ti dân tộc.

Là dân nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc sớm nhận thức vấn đề dân tộc, nhận thức sâu sắc tình cảnh, nguyện vọng các dân tộc thuộc địa, nung nấu ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc. Người tiếp thu và phát triển sáng tạo, độc đáo những quan điểm chủ nghĩa Mác Lê Nin về vấn đề dân tộc, đặt CM giải phóng dân tộc vào quỹ đạo CM vô sản, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, thống nhất với nhau trong CM vô sản.

Như vậy, vấn đề dân tộc trong TTHCM là vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa, thủ tiêu sự thống trị của nước ngoài, giành độc lập dân tộc, xóa bỏ ách áp bức bóc lột thực dân, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, xây dựng nhà nước độc lập.

2. TTHCM về vấn đề dân tộc

1. Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm của mỗi dân tộc:

Là dân nước nô lệ đi tìm đường cứu nước, nhiều lần chứng kiến tội ác dã man của CN thực dân đối với đồng bào mình và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, người thấy rõ một dân tộc không có quyền bình đẳng vì dân tộc đó mất độc lập, tự do.

Muốn có bình đẳng dân tộc thì các dân tộc thuộc địa phải được giải phóng khỏi chủ nghĩa thực dân. Nên độc lập dân tộc phải thể hiện ở 3 điểm sau:

- Dân tộc đó phải được độc lập toàn diện về chính trị, kinh tế, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ và quan trọng nhất là độc lập về chính trị.
- Mọi vấn đề chủ quyền quốc gia phải do người dân nước đó tự quyết định.
- Nền độc lập thực sự phải được thể hiện ở cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của người dân.

Vì thế, nền độc lập của Việt nam phải theo nguyên tắc nước Việt nam của người Việt Nam, mọi vấn đề về chủ quyền quốc gia phải do người dân Việt Nam tự quyết định, không có sự can thiệp của nước ngoài.

Quyền độc lập, bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng, quý giá nhất và bất khả xâm phạm. “Không có gì quý hơn độc lập tự do” là lẽ sống, là triết lý Cách mạng Hồ Chí Minh và của dân tộc Việt Nam. Đó cũng là nguồn cổ vũ to lớn đối với các dân tộc bị áp bức, đấu tranh cho một nền độc lập tự do, thống nhất đất nước, dân chủ, ấm no, hạnh phúc của người dân.

2. Vấn đề dân tộc kết hợp nhuần nhuyễn với vấn đề giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH:

CN Mác Lê Nin đã giải quyết triệt để vấn đề này: (vấn đề dân tộc luôn gắn với vấn đề giai cấp, phụ thuộc vào vấn đề giai cấp, và dân tộc bao giờ cũng do một giai cấp đại diện, quan hệ này là quan hệ lợi ích, giai cấp phong kiến và tư sản đã từng đại diện cho dân tộc và giải quyết quan hệ lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc nhưng không triệt để, còn nhiều mâu thuẫn ví dụ vua quan Nhà Nguyễn đầu hàng Pháp, bảo vệ lợi ích của dòng tộc, Pháp đầu hàng Đức,...)

Ngày nay với tính chất, đặc điểm và địa vị lịch sử của mình chỉ có giai cấp CN mới có thể đại diện cho dân tộc và giải quyết đúng đắn quan hệ lợi ích này. Chỉ có giai cấp CN mới xóa bỏ triệt để nạn người bóc lột người, nhờ đó xóa bỏ tình trạng dân tộc này nô dịch dân tộc khác, giải phóng giai cấp công nhân cũng là giải phóng mọi giai tầng, xã hội khỏi sự phân chia thành giai cấp, mâu thuẫn xung đột giai cấp, vì thế giai cấp CN phải giành lấy chính quyền, tự mình vươn lên thành giai cấp dân tộc.

Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo quan điểm nêu trên của chủ nghĩa Mác Lê Nin vào Cách mạng giải phóng dân tộc, Người chỉ rõ 2 điểm:

- Các nước Đế quốc xâm lược cướp bóc thuộc địa làm cho mâu thuẫn giữa CN Đế quốc và thuộc địa nổi lên gay gắt. Giải quyết mâu thuẫn này đòi hỏi phải tập hợp đoàn kết mọi lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay chỉ có giai cấp Công nhân mới có thể đoàn kết và lãnh đạo được mọi giai tầng làm Cách mạng giải phóng dân tộc.
- Ở các nước thuộc địa, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc là một động lực to lớn, đây là chủ nghĩa dân tộc chân chính. Vì thế, khi cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi, thì chủ nghĩa dân tộc ở đó nhất định sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế (thành chủ nghĩa Cộng sản).

Vì thế, những người cộng sản ở các nước thuộc địa phải tự nắm lấy ngọn cờ dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của giai cấp CN.

Như vậy, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp CN và của CM thế giới. Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu loài người đem lại cho mọi người, không phân biệt nguồn gốc, chủng tộc sự tự do, bình đẳng, bác ái thật sự.

3. Chủ nghĩa yêu nước gắn liền với nghĩa vụ quốc tế:

Chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế không đối lập mà thống nhất với nhau. Vì thế:

Mỗi dân tộc phải đấu tranh giành và giữ độc lập cho dân tộc mình đồng thời phải ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc khác. Đây là sự gắn bó giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng, giữa tinh thần dân tộc tự quyết với nghĩa vụ quốc tế.

Sau cách mạng tháng 8, trả lời nhà báo Mỹ “Êly Mây si” về chính sách đối ngoại của Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: . . .Việt nam can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, đồng

thời kiên quyết chống lại mọi âm mưu, hành động xâm phạm quyền tự do, độc lập của Việt Nam,...

Với những nước xâm lược Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn chủ động tìm biện pháp ngăn chặn, nếu chiến tranh xảy ra thì luôn tìm cách kết thúc chiến tranh có lợi cho 2 dân tộc như tạo dư luận, áp lực quốc tế, chỉ đường cho bọn xâm lược rút khỏi Việt Nam trước khi bị tiêu diệt,...

Như vậy, ở Hồ Chí Minh, dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và CNXH gắn bó thống nhất với nhau, vì thế, mỗi Đảng cộng sản phải chịu trách nhiệm trước dân tộc của mình, Cách mạng mỗi nước phải do người dân nước đó tự giành lấy, nhưng người nêu khẩu hiệu: giúp bạn là tự giúp mình, người luôn quan tâm giúp đỡ CM các nước Xiêm, Lào, Campuchia, Trung Quốc chống Nhật, phải bằng thắng lợi của CM mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của CM thế giới.

3. TTHCM về giải phóng dân tộc

Là hệ thống các quan điểm về con đường cứu nước, về tổ chức lực lượng, chiến lược, sách lược và những nhân tố bảo đảm thắng lợi của CM giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc thuộc địa khởi chủ nghĩa thực dân đế quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh,... Đây là đóng góp xuất sắc nhất của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận Mác Lê Nin... Vì vậy được suy tôn là anh hùng giải phóng dân tộc.

1. CM giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải theo con đường CM vô sản:

Trước những thất bại và bế tắc của các phong trào chống Pháp, Nguyễn Tất Thành tìm đường cứu nước, Người nghiên cứu 3 cuộc CM điển hình: CM Mỹ 1776, CM tư sản Pháp 1789 và CM tháng 10 Nga, Người rút ra kết luận:

- CM Pháp cũng như CM Mỹ đều là CM tư sản, CM không đến nơi, tiếng là Cộng hòa dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa, chúng ta đã hi sinh làm CM thì làm đến nơi, làm sao khi CM rồi thì quyền giao lại cho dân chúng số nhiều, thế thì dân chúng khỏi phải hi sinh nhiều lần, dân chúng mới hạnh phúc.

Trong thế giới bây giờ chỉ có CM tháng 10 là thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng hạnh phúc tự do bình đẳng thật sự.

Tiếp xúc với luận cương của Lê Nin, Người tìm thấy ở đó con đường giải phóng dân tộc và chỉ rõ: Các đế quốc vừa xâm xé thuộc địa, vừa liên kết nhau đàn áp CM thuộc địa; Thuộc địa cung

cấp của cải và binh lính đánh thuê cho đế quốc để đàn áp CM chính quốc và thuộc địa. Vì thế giai cấp vô sản chính quốc và thuộc địa có chung kẻ thù và phải biết hỗ trợ nhau chống Đế quốc.

Người ví CN đế quốc như con đĩa 2 vôi, 1 vôi cắm vào chính quốc, 1 vôi vuren sang thuộc địa, muốn giết nó thì phải cắt 2 vôi, phải phối hợp CM chính quốc với thuộc địa. CM giải phóng thuộc địa và CM chính quốc là 2 cánh của CM vô sản, muốn cứu nước giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường CM vô sản.

2. CM giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải do Đảng của giai cấp CN lãnh đạo:

Trong các phong trào chống Pháp trước 1930 ở nước ta đã xuất hiện các đảng phái, hội, đoàn thể như Duy Tân Hội, Việt Nam Quang Phục Hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng,... nhưng những Đảng này thiếu đường lối đúng đắn, thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu cơ sở rộng rãi trong quần chúng nên không thể lãnh đạo kháng chiến thành công và bị tan rã với các khuynh hướng cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến, tư sản.

Từ thắng lợi của CM Tháng 10 Nga do Đảng CS lãnh đạo, người khẳng định: CM giải phóng dân tộc muốn thắng lợi, trước hết phải có Đảng lãnh đạo, không có Đảng chân chính lãnh đạo CM không thể thắng lợi. Đảng có vững CM mới thành công, người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có CN làm cốt. Không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, không có kim chỉ nam. Đảng phải xác định rõ mục tiêu, lý tưởng CNCS, phải tuân thủ các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng theo học thuyết Đảng kiểu mới của Lê Nin.

3. CM giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, trên cơ sở liên minh công nông:

CN Mác Lê Nin khẳng định CM là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân lao động là người sáng tạo và quyết định sự phát triển lịch sử.

Người chủ trương đưa CM Việt Nam theo con đường CM vô sản, nhưng chưa làm ngay CM vô sản, mà thực hiện CM giải phóng dân tộc, giải quyết mâu thuẫn dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai. Mục tiêu là giành độc lập dân tộc. Vì vậy CM là đoàn kết dân tộc, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư sản bản xứ,... ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu gom toàn lực đem tất cả ra giành độc lập tự do, đánh tan giặc Pháp Nhật xâm lược nước ta.

Tập trung mọi lực lượng trong mặt trận để chống cường quyền, nhưng phải lấy công nông làm gốc. Đây là lực lượng đông đảo, nhưng lại bị 2, 3 tầng áp bức, là lực lượng có tinh thần CM triệt để nhất.

* Khác Phan Bội Châu tập hợp 10 hạng người: phú hào, quý tộc, sĩ phu, du đồ, hội đảng, nhi nữ, anh sỹ, thông ngôn, ký lục, bồi bếp mà không có công, nông.

4. CM giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước CM vô sản chính quốc:

Khi CN Đế quốc xâm lược thuộc địa, CM giải phóng dân tộc có khuynh hướng phát triển, nhưng lúc đó quốc tế CS lại đánh giá thấp CM giải phóng thuộc địa.

Nghiên cứu luận cương của Lê Nin về CM thuộc địa và xuất phát từ áp bức của CN Đế quốc với thuộc địa, Hồ Chí Minh lập luận về nguyên nhân của CM thuộc địa : “ Người Đông Dương không được học, nhưng đau khổ, đói nghèo và sự bạo ngược của CN Thực Dân là người thầy dạy mẫu nhiệm của họ; người Đông Dương sẽ tiến bộ một cách nhanh chóng khi thời cơ cho phép và họ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy dạy của họ.””Không, người Đông Dương không chết, người Đông Dương sống mãi. Bên cạnh sự phục tùng tiêu cực, Người Đông Dương sống âm ỷ và sẽ bùng nổ mãnh liệt khi thời cơ đến.”

Tại ĐH V Quốc tế CS (6/1924): Nguyễn Ái Quốc lập luận về vai trò của CM thuộc địa: "Vận mệnh của giai cấp vô sản ở các chính quốc gắn chặt với vận mệnh các giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Nọc độc và sức sống của rắn độc TBCN đang tập trung ở các thuộc địa, nếu khinh thường CM thuộc địa là muốn đánh rắn chết đằng đuôi."

(CM thuộc địa đánh đập đầu rắn độc TBCN).

Hồ Chí Minh chỉ rõ tính chủ động của CM thuộc địa: Thuộc địa là mắt xích yếu nhất trong hệ thống CNDQ, trong khi đó nhân dân thuộc địa luôn có tinh thần yêu nước, căm thù xâm lược, họ sẽ vùng lên khi thời cơ đến. Vì vậy, năm 1924 Nguyễn Ái Quốc khẳng định: CM thuộc địa không những không phụ thuộc vào CMVS chính quốc mà có thể nổ ra và giành thắng lợi trước CM chính quốc và khi hoàn thành CM thuộc địa họ có thể giúp đỡ giai cấp vô sản chính quốc phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

CM thuộc địa phải chủ động giành thắng lợi trước CMVS chính quốc, CM thuộc địa chỉ có thể dựa vào sự nỗ lực của nhân dân thuộc địa, phải đem sức ta tự giải phóng cho ta.

5. CM giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực, kết hợp lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng nhân dân:

Theo CN Mác Lê Nin, có nhiều phương pháp giành chính quyền từ tay giai cấp thống trị. Những kẻ thù không bao giờ tự nguyện giao chính quyền cho nhân dân. Vì vậy CM muốn thắng lợi phải dùng bạo lực của quần chúng nhân dân để giành chính quyền.

Hồ Chí Minh khẳng định: Ở các nước thuộc địa, CN thực dân dùng bạo lực phản CM đàn áp các phong trào yêu nước. CM giải phóng dân tộc muốn thắng lợi thì phải dùng bạo lực CM chống lại bạo lực phản CM. Bạo lực phản CM là bạo lực của quần chúng gồm lực lượng “chính trị” của quần chúng và lực lượng “vũ trang” với 2 hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang kết hợp với nhau.

Để giành chính quyền phải bằng bạo lực, trước hết là khởi nghĩa vũ trang của quần chúng. Trong thời đại mới, thời đại CM vô sản thì cuộc khởi nghĩa vũ trang phải có sự ủng hộ của CM vô sản thế giới, CM Nga, thậm chí với CM vô sản Pháp.

Tư tưởng về CM bạo lực gắn liền với tư tưởng về xây dựng lực lượng vũ trang được Hồ Chí Minh suy nghĩ từ sớm và khi trở thành chủ trương của Đảng tại hội nghị trung ương 8 (5/1941), Người kết luận: cuộc CM Đông Dương được kết liễu bằng khởi nghĩa vũ trang. Căn cứ vào tương quan so sánh lực lượng vào thiên thời, địa lợi. Hồ Chí Minh bàn tới khởi nghĩa từng phần, mở rộng cho cuộc tổng khởi nghĩa to lớn giành chính quyền trong cả nước.

Từ sau Hội nghị trung ương 8, Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng căn cứ địa, lực lượng vũ trang, lực lượng Chính trị, chuẩn bị tổng kết khởi nghĩa. Thắng lợi CM tháng 8 chứng minh tính đúng đắn của TTHCM về con đường bạo lực CM.

4. Vận dụng vào công cuộc đổi mới

1. Khơi dậy CN yêu nước và tinh thần dân tộc, nguồn lực mạnh mẽ nhất để xây dựng và bảo vệ tổ quốc:

Trong đổi mới Đảng ta luôn khẳng định tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế độc lập dân tộc và CNXH nhằm tạo ra nguồn lực mới để phát triển đất nước. Trong đó cần phát huy tối đa nguồn nội lực, nhất là nguồn lực con người (trí tuệ, truyền thống dân tộc, vốn, tài nguyên) kiên quyết không chịu nghèo hèn, thấp kém, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vững bước tiến lên CNXH.

2. Nhận thức và giải quyết vấn đề dân tộc trên quan điểm của giai cấp CN:

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề dân tộc, đề cao chủ nghĩa yêu nước nhưng luôn vững vàng trên lập trường giai cấp CN trong giải quyết vấn đề dân tộc.

Đảng ta luôn khẳng định: Giai cấp CN Việt Nam là giai cấp độc quyền lãnh đạo CM Việt Nam từ khi có Đảng. Đại đoàn kết nhưng phải trên nền tảng liên minh công nông trí thức do giai cấp CN lãnh đạo. Trong giành, giữ chính quyền phải sử dụng bạo lực CM của quần chúng chống lại bạo lực phản CM.

Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH: Đây là nguyên tắc bất biến cần vận dụng mọi hoàn cảnh.

(Phong trào CM thế giới có lúc tả, có lúc hữu, lúc nhấn mạnh lợi ích giai cấp coi nhẹ lợi ích dân tộc, gần đây lại gạt bỏ lợi ích giai cấp, tuyệt đối hơn lợi ích dân tộc, từ bỏ CM, từ bỏ CN quốc tế vô sản. Đảng ta vẫn khẳng định: Dù Liên Xô, Đông Âu tan rã, thế giới biến động, đấu tranh giai cấp dân tộc diễn ra dưới nhiều hình thức khác, nhưng không được buông lỏng quyền lợi giai cấp, nhấn mạnh lợi ích dân tộc làm suy yếu phong trào CM thế giới, tan rã CNXH, bùng phát xung đột dân tộc, tôn giáo, lãnh thổ là làm giàu cho bọn lái súng,...)

Cần chống lại quan điểm cho rằng đất nước đi theo con đường nào cũng được, không nhất thiết độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, CNXH là lý tưởng nhưng là không tưởng, ép ta từ bỏ CNXH, đa nguyên chính trị, từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng để có tự do tư sản.

Đảng ta khẳng định xây dựng CNXH vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" không chỉ là vấn đề giai cấp mà còn là vấn đề dân tộc, ở Việt Nam chỉ có Đảng CS Việt Nam mới là đại biểu cho lợi ích giai cấp CN, nhân dân lao động và dân tộc, mới xây dựng được khối đại đoàn kết thực hiện mục tiêu nêu trên những lệch lạc tư tưởng tả hoặc hữu đều trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt Nam:

Trong đổi mới, Đảng ta lấy mục tiêu dân giàu nước mạnh... làm điểm tương đồng, đồng thời cũng chấp nhận những điểm khác nhưng không trái với lợi ích dân tộc (5 ngón tay có ngón dài ngón vắn, nhưng dù dài vắn đều họp lại nơi lòng bàn tay), gương cao ngạo cờ đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh để hoàn thành mục tiêu trên.

ĐH 9 chỉ rõ: vấn đề dân tộc và đại đoàn kết luôn có vị trí chiến lược trong CM Việt Nam. Bác Hồ chỉ rõ: Đồng bào miền núi có truyền thống can củ trong CM và kháng chiến, đã có nhiều công trạng vẻ vang và oanh liệt. Người chỉ thị phải chăm lo phát triển KT-XH vùng dân tộc miền núi, thực hiện đền ơn đáp nghĩa với đồng bào.

Những năm đổi mới vừa qua, đời sống các vùng dân tộc có những chuyển biến rõ rệt, song nhìn chung còn nghèo, khó khăn còn nhiều, sắp tới phải đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế hàng hóa, xóa đói nghèo, nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ, chống kì thị dân tộc, tự ty dân tộc, dân tộc hẹp hòi.

BÀI 3: TTHCM VỀ CNXH VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CNXH

1. TTHCM về CNXH

Đặt vấn đề:

Thời đại ngày nay CNXH là hiện thực hay chỉ là nguyện vọng chủ quan của những người Cộng sản. Đã có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này:

Kẻ thù chúng ta cho rằng, đây là sự áp đặt chủ quan của những người Cộng sản.

Những người Cộng sản Liên Xô cho rằng, sự sụp đổ của CNXH là do sự phản bội của Goóc Ba Chốp. Vào mùa Thu năm 1999 khi được mời dạy ở Ancada, Goóc Ba Chốp nhắc đi nhắc lại nhiều lần, mục đích của tôi là tiêu diệt CNXH ở Liên Xô và các nước, để làm việc đó ông ta có nhiều người hỗ trợ như Xêvátnátde, Iacóplép.

Đảng ta vẫn khẳng định sự lựa chọn con đường CNXH cho sự phát triển đất nước là sự lựa chọn mang tính lịch sử, là sự lựa chọn duy nhất đúng của Đảng của HCM và cả dân tộc ta từ những năm 20 của thế kỷ 20.

1. Quan điểm HCM về tính tất yếu của CNXH

1.1. CNXH là quy luật khách quan, phổ biến trong quá trình phát triển của xã hội loài người

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã giải quyết triệt để vấn đề này, HCM vẫn có cách tiếp cận riêng ở chỗ:

Sự ra đời CNXH là do sức SX của XH quy định, do sự phát triển kinh tế kỹ thuật mà XH phát triển từ CSNT > NL > PK > TB > CS. Đây là cách tiếp cận của CN Mac.

Sự ra đời CNXH là do nhu cầu giải phóng con người một cách triệt để. Được nhìn nhận dưới 3 góc độ: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng từng cá nhân con người để hình thành liên hiệp các nhân cách phát triển tự do.

Sự ra đời CNXH là một tất yếu đạo đức: theo quy luật cái chân cái thiện cái mỹ, tất yếu phải chiến thắng cái giả dối, cái ác, cái xấu, cái thấp hèn. HCM đồng nhất CNXH với một XH đạo đức, văn minh. Chiều sâu CNXH thực chất là vấn đề đạo đức XH.

Sự ra đời CNXH là một tất yếu văn hóa. CNXH là một thước đo trình độ phát triển cao của nền văn minh. Văn hoá ở đây được hiểu là trình độ người của các quan hệ XH, là hệ thống các quá trình bền vững XH. Sự ra đời CNXH theo HCM là tổng hợp nhiều yếu tố, HCM đi đến nhận định các dân tộc thế giới chắc chắn cuối cùng sẽ đi lên CNXH. Đó là quy luật mà không ai có thể cưỡng lại được, không lực lượng nào có thể ngăn được mặt trời mọc, ngăn được loài người tiến lên CNXH.

1.2. Khả năng tiến lên CNXH của những nước châu Á

CNXH là quy luật chung, nó tác động vào nước nào còn chịu sự chi phối của đặc điểm riêng của những nước đó.

Đầu thế kỷ 20 nổi lên vấn đề bức xúc là liệu CNXH có thể ra đời ở những nước châu Á không?

Có 3 phương án:

Phương án 1: Lê Nin nói: hiện thời CNXH đã thắng lợi ở phương Tây, nhưng sau này CNXH có thể phát triển tràn sang châu Á.

Phương án 2: Các nhà cách mạng châu Á kể cả Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh điều phủ nhận khả năng thắng lợi của CNXH ở phương Đông, vì phương Đông không có điều kiện, tiền đề tiếp cận CNXH.

Phương án 3: HCM trả lời: CNCS không những thích ứng được ở châu Á mà còn thích ứng dễ hơn ở châu Âu (1921), theo người có 3 cơ sở khách quan sau:

- Những mầm mống tư tưởng XHCN ở châu Á đã xuất hiện rất sớm, đó là các quan điểm sau:

Quan điểm lấy dân làm gốc

Quan điểm về công bằng, bình đẳng tài sản giữa những người lao động với nhau

Tư tưởng về tình yêu thương hữu ái giữa người và người, nhất là những người lao khổ.

Quan điểm về một xã hội đại đồng, một xã hội có những đặc điểm tư tưởng: thiên hạ vi công (thiên hạ là của chung mọi người kể cả kẻ nghèo người giàu), tuyền hiên nhiệt nãg (tuyền người hiền tài người giỏi), các tàn kỳ nãg (làm hết năng lực), các đắ kỳ sở (hưởng theo nhu cầu), giảm tính thư mục (coi trọng chữ tín chăm lo sự hóa đồng xã hội)

Văn hoá như dòng chảy liên tục và CNXH có thể ra đời ở châu Á.

- Tiền đề kinh tế xã hội ở châu Á làm xuất hiện tư tưởng CNXH từ sớm:

Do sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, từ sớm đòi hỏi nhu cầu liên kết, hợp tác sản xuất giữa người và người.

Phương đông xuất hiện chế độ công điền, công thổ (20% ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước), cơ sở công hữu XHCN sau này.

Ở các nước châu Á, tồn tại chế độ Công xã nông thôn, tạo ra sự cố liên kết cộng đồng mang tính tự quản rất cao ở từng làng xã, đây là hình thức sơ khai của dân chủ trực tiếp (vào những năm 80 của thế kỷ 19 khi nghiên cứu KT – XH nước Nga thì Anghen đã viết, với sự giúp đỡ của những người Cộng sản châu Âu, nước Nga có thể từ chế độ Công xã Nông thôn tiến lên chủ nghĩa Cộng sản) Bác Hồ cũng kết luận như thế!

- Dựa vào sự tàn bạo của CNTB ở các nước thuộc địa châu Á.

Vào những năm 20 của thế kỷ 20 hầu hết các nước châu á trở thành thuộc địa của các nước tư bản phương tây, CNTB đã để lại những hệ quả sau:

Những tư tưởng cách mạng tiến bộ ban đầu, đó là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của CM TS, tư tưởng tiến bộ này vào các nước thuộc địa, được tầng lớp tri thức tiếp thu phát triển ra dân chúng. Nếu có tư tưởng lý luận cách mạng, thì nhất định sẽ có phong trào cách mạng trong hiện thực.

Xâm lược thuộc địa, CNTB tạo ra quá trình công nghiệp hoá cưỡng bức, hình thành cơ cấu giai cấp xã hội mới, trong đó có giai cấp công nhân thuộc địa – lực lượng vật chất của CMVS

Giai cấp Tư sản thiết lập ở các nước thuộc địa sự thống trị dã man tàn bạo nhất, đẩy đa số quần chúng, nhất là nông dân vào con đường cùng, dẫn đến phản ứng tự do của họ với chế độ độc tài đó (không, người Đông dương không chết, người Đông dương sống mãi mãi, bên cạnh sự phục tùng tự phát, họ sẽ bùng nổ mãnh liệt khi thời cơ đến)

CNTB tạo ra những điều kiện tiền đề cho các nước thuộc địa, lựa chọn hợp lý con đường đi lên của mình, không nhất thiết lặp lại con đường mà CNTB đã trải qua (sự tàn bạo của CN thực dân đã chuẩn bị chằm đất rồi, CNXH chỉ cần phải làm cái việc gieo hạt giống của công cuộc giải phóng mà thôi)

1.3. CNXH là kết quả tất yếu của quá trình CMVN: Có 2 cơ sở

Cơ sở lý luận: đó là lý luận CM không ngừng của CN Mác-Lê Nin, CMVN chuyển từ cách mạng Tư sản Dân quyền lên CNXH bỏ qua chế độ CNTB.

Cơ sở thực tiễn: vận dụng lý luận vào thực tiễn Việt Nam, phân tích thực trạng KT – XH, CT, VH. HCM đã rút ra những mâu thuẫn cơ bản, thấy nhu cầu phát triển của dân tộc.

Người rút ra những bài học thất bại của phong trào yêu nước trong khuôn khổ ý thức hệ PK, TS và kết luận: CM muốn thành công thì phải đi theo ý thức hệ mới, ý thức hệ Vô sản.

Trong các cuộc cách mạng thế giới Người nói đến CM tháng 10 và tác động của nó với con đường đi lên CNXH ở nước ta. Trước CM tháng 10 nếu các nước thuộc địa được giải phóng thì chỉ có một sự lựa chọn là con đường TBCN, sau CM tháng 10 có thêm sự lựa chọn mới (vào những năm 20 thế kỷ 20 Hồ Chí Minh đứng giữa ngã ba đường nếu tiến theo con đường CNTB thì không cần làm cuộc cách mạng, nhân dân ta vẫn bị áp bức bóc lột, là một nước tư bản phát triển muộn sẽ bị lệ thuộc vào những nước tư bản lớn, nếu có độc lập thì chỉ là hình thức.

Ở những nước tiền TB, giai cấp CN chủ động tham gia CMTS do giai cấp TS lãnh đạo để lật đổ phong kiến, nhưng phải ý thức về sứ mệnh của mình là xóa bỏ CNTB xây dựng CNXH, CNCS khi có điều kiện phải giành lấy sự lãnh đạo đối với cuộc Cách mạng, chuyển từ cách mạng Tư sản thành cách mạng XHCN. Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 Chủ nghĩa Tư bản tỏ ra lỗi thời. Cách mạng tháng 10 thành công, mở ra thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH.

Đảng ta kết luận. Sự lựa chọn năm 1920 của HCM về độc lập dân tộc CNXH là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn.

- Năm 1960 báo ASAHI đăng bài: Điều làm cho Hồ Chí Minh trở thành lãnh tụ thiên tài là ở chỗ, Người đã kết hợp đưa giải phóng dân tộc với CNXH, cách mạng giải phóng dân tộc với CMXHCN.

- Tháng 2/2002 tạp chí thời đại (Mỹ) viết: Thế kỷ 20 có 20 vĩ nhân, HCM đứng thứ 4, là lãnh tụ duy nhất ở châu Á kết hợp thành công

Chủ nghĩa Dân tộc với CNCS. Làm cho đất nước Người có diện mạo như ngày nay.

Trong các thời điểm khác nhau gắn với các sự kiện khác nhau, HCM đưa ra những kết luận có tính tổng kết về con người đi lên CNXH ở VN như sau:

Năm 1929: Chỉ có Chủ nghĩa Cộng sản mới cứu được nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng bác ái, đoàn kết âm no. Chỉ có CNXH mới tạo được giá trị phát triển của nhân loại.

Chỉ có giải phóng Giai cấp Vô sản thì mới giải phóng được các dân tộc, cả hai cuộc giải phóng đó chỉ có thể là sự nghiệp của CNCS và của cách mạng thế giới

Muốn cứu giải phóng dân tộc không có con đường Cách mạng vô sản.

Chỉ có CNVS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và quần chúng lao động khỏi áp bức nô lệ.

Tháng 6/69: CM giải phóng dân tộc phải phát triển thành CM XHCN mới giành thắng lợi hoàn toàn triệt để cho CM nước ta. Đây là sự lựa chọn của cả dân tộc chứ không phải là sự lựa chọn riêng của HCM

2. Quan niệm Hồ Chí Minh về bản chất và đặc trưng của CNXH

2.1. Hồ Chí Minh quan niệm CNXH là một quá trình phát triển

Năm 1919 – 1920 trong các tác phẩm báo chí đầu tiên HCM chính thức sử dụng thuật ngữ CNXH, CNCS. Khi nói về CNCS Người gắn với vận mệnh các thuộc địa và triển vọng tương lai của các dân tộc bị áp bức.

Trong 5 văn kiện ngày 3/2 (chính cương, sách lược, chương trình, điều lệ, lời kêu gọi) Hồ Chí Minh đều nói đến CNCS và coi đó là con đường phát triển của dân tộc Việt Nam

Từ 1954 – 1969 do nhu cầu thực tiễn xây dựng CNXH, những bài viết nói về CNXH của người có nhiều hơn (8000 bài, 1635 văn kiện, 280 lần đề cập đến CNCS)

2.2. Quan niệm của HCM về CNXH. CNXH là gì ?

Người có đề cập đến CNXH: CNXH là XH ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt (có người cho rằng quan niệm như thế này là sơ đẳng, có người cho rằng có chiều sâu, có tính hợp lý) bởi vì CNXH là một xã hội có sự phát triển đồng đều cả về KT – XH, cả về vật chất và tinh thần.

CNXH nói một cách tóm lược, mộc mạc trước hết làm cho người lao động thoát khỏi bần cùng, được sống ấm no, tự do, hạnh phúc. CNXH là một XH dân giàu nước mạnh, CNXH là sự phát triển phồn vinh của đất nước, dân tộc làm cho người đói trở nên ấm no, người đủ ăn trở nên khá, người khá trở nên giàu, người giàu ngày càng giàu thêm. Như vậy CNXH vẫn còn phân tầng, không phải cào bằng, còn động lực phát triển. Trung Quốc khẳng định CNXH là cùng nhau giàu có, miền đông giúp miền tây, vùng phát triển giúp vùng kém phát triển

CNXH là nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng làm của công, ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Ở đây, Người đề cập tới sở hữu và phân phối trong CNXH.

CNXH làm cho người lao động ai cũng có cơm ăn, áo mặc, chỗ ở, được học hành, ốm đau có thuốc chữa bệnh. CNXH có thể thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu cho đại bộ phận người dân.

CNXH làm cho các dân tộc bình đẳng, đoàn kết cùng nhau xây dựng cuộc sống no ấm hạnh phúc.

Rút ra kết luận:

CNXH được Hồ Chí Minh quan niệm rất giản dị, ngắn gọn, nhưng thiết thực dễ hiểu, dễ nhớ phù hợp với trình độ của từng đối tượng, làm cho ai cũng thấy được lợi ích ưu việt của CNXH bằng kinh nghiệm sống của mình, động viên mọi người tin yêu quyết tâm xây dựng CNXH. Quan niệm CNXH như trên là khoa học, nhất quán, có lôgic, hệ thống, có nấc thang phát triển từ thấp đến cao.

Quan niệm về CNXH luôn gắn với thực tiễn, là kết quả của sự kết hợp kinh nghiệm thực tiễn nhân loại. Trước hết là Liên Xô và các nước CNXH.

Từ đây rút ra các biện pháp đặc trưng của CNXH:

CNXH là XH do người dân lao động làm chủ, nhà nước của dân do dân vì dân

CNXH là XH có lực lượng sản xuất phát triển cao gắn với sự phát triển và KH – KT và văn hóa.

Nền tảng kinh tế XHCN là chế độ sở hữu XHCN về những tư liệu sản xuất chủ yếu và chế độ phân phối cho lao động.

XH có hệ thống các quan hệ xã hội lành mạnh bình đẳng, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Động lực CNXH là phát huy sức dân, CNXH là công trình do nhân dân tự xây dựng lấy.

CNXH làm cho các dân tộc đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau xây dựng cuộc sống no ấm hạnh phúc. Đảng ta khái quát và đưa ra những đặc trưng về CNXH trong cương lĩnh 1991.

2. TTHCM về thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN

1. Quan điểm của HCM về tính lâu dài phức tạp của thời kỳ quá độ lên CNXH

1.1. Quan điểm HCM về thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN

Mác và AnGen khẳng định CNTB phát triển tới tột đỉnh thì sẽ làm cho CNXH ra đời. Đây là hình thức quá độ trực tiếp, từ những nước Tư bản phát triển cao lên thẳng CNXH. Ngoài hình thức quá độ trực tiếp Lênin còn đề cập hình thức quá độ gián tiếp lên CNXH ở những nước tiền tư bản.

HCM cũng đề cập tới hai hình thức quá độ như trên, nhưng Người nhấn mạnh hình thức thứ hai, đó là quá độ lên CNXH ở tất cả các nước còn lại, kể cả các nước thuộc địa nửa phong kiến như VN. Hình thức này có hai đặc điểm:

Bắt đầu lên CNXH khi Cách mạng Giải phóng Dân tộc giành được thắng lợi, thiết lập được chính quyền dân chủ nhân dân

Hình thức quá độ này rất lâu dài

- Năm 1943 trả lời Tiêu Văn(tướng của Tưởng Giới Thạch), ở VN sau 50 năm nữa thì có CNXH hay không? Trả lời chưa có thể có CNXH được.

- Năm 1946 một phóng viên Pháp có hỏi ở VN khi nào có CNCS? Hồ Chí Minh nói: Muốn có CNCS phải có ba điều kiện, phải có đất công nghệ, đất nông nghệ và phải có con người phát triển toàn diện. Ở nước tôi cả 3 điều kiện này chưa có, khi nào có đủ thì có CNXH.

- Năm 1958 cử tri Hà Nội hỏi: Thời kỳ quá độ lên CNXH nước ta kéo dài bao lâu? Bác trả lời: Căn cứ vào thực tiễn xây dựng CNXH ở các nước thì thời kỳ quá độ của nước ta kéo dài từ 3 đến 4 kế hoạch dài hạn (mỗi kế hoạch từ 8 đến 10 năm)

1.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH

HCM luôn nhấn mạnh đặc điểm lớn nhất bao trùm và chi phối các đặc điểm còn lại của thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN là, chúng ta đi lên CNXH từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu không qua Chủ nghĩa Tư bản, mâu thuẫn cơ bản là giữa nhu cầu phát triển cao theo hướng tiến bộ với thực trạng kinh tế xã hội quá thấp kém.

2. Nhiệm vụ và nội dung của thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Nhiệm vụ

Xây dựng nền tảng vật chất kỹ thuật, các tiền đề kinh tế chính trị văn hóa, xã hội cho CNXH
Cải tạo XH thuộc địa nửa phong kiến kết hợp với xây dựng chế độ mới, biến nước ta thành nước công nghiệp hiện đại có văn hóa có khoa học kỹ thuật tiên tiến, nhân dân có cuộc sống no ấm hạnh phúc.

2.2. Nội dung của thời kỳ quá độ lên CNXH

Về chính trị: Xác lập quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước, tăng cường các hình thức dân chủ trực tiếp thông qua các đoàn thể chính trị XH.

Về kinh tế: Mục đích phát triển kinh tế là nâng cao đời sống nhân dân, phát triển lực lượng sản xuất công nghiệp hóa nước nhà, phát triển khoa học kỹ thuật, công nghiệp hóa phải bắt đầu từ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Phát triển toàn diện 3 loại cơ cấu kinh tế hợp lý:

Cơ cấu kinh tế công nông nghiệp, là 2 chân của nền kinh tế, hai chân khỏe đi nhanh.

Cơ cấu vùng lãnh thổ, Bác nhấn mạnh phát triển kinh tế miền núi.

Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, Bác chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần: quốc doanh, tập thể, tư nhân, cá thể, công tư hợp doanh. Về chế độ quản lý khoán, phải hoạch toán, phải kinh doanh, kết hợp 3 lợi ích.

Về văn hóa: xây dựng nền văn hóa có nội dung XHCN và tính chất dân tộc

Xây dựng con người XHCN có đầy đủ đức, trí, thể, mỹ, đủ văn hóa, KHKT, chuyên môn, nghiệp vụ đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

3. Về bước đi, phương thức, biện pháp xây dựng CNXH

3.1. Bước đi

Người viết: Chúng ta xây dựng CNXH từ 2 bàn tay trắng, khó khăn còn nhiều và lâu dài, phải làm dần dần không thể vội vàng làm nhanh một sớm một chiều. Ví dụ trong nông nghiệp lúc đầu là tiến hành giảm tô sao đó cải cách ruộng đất, sau đó tới vận công đổi công, xây dựng hợp tác xã,... cần ưu tiên phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ để phát triển công nghiệp nặng.

3.2. Phương thức, biện pháp xây dựng CNXH

Phải kết hợp cải tạo với xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm chính.

Kết hợp xây dựng CNXH với bảo vệ thành quả cách mạng, tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược đồng thời ở hai miền (Xigôxibata cho rằng: tư duy HCM rất độc đáo, kết hợp được hai nhiệm vụ đồng thời).

Nhiệm vụ xây dựng CNXH là nặng nề, khó khăn, phức tạp, lâu dài, vì thế phải đem sức dân, tài dân làm lợi cho dân.

Chỉ tiêu một, biện pháp mười, quyết tâm phải hai mươi.

3. Vận dụng vào công cuộc đổi mới

1. Trong đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng CN Mac-Lênin và TTHCM.

Bằng kinh nghiệm xương máu chúng ta thấy rằng chế độ thực dân phong kiến, đế quốc đã kềm hãm nước ta trong vùng nghèo đói, lạc hậu, tối tăm. Thấm nhuần lời dạy của Bác: “Nước có độc lập mà dân vẫn cứ đói, vẫn cứ rét thì độc lập tự do cũng chẳng có nghĩa lý gì”.

Muốn cho dân giàu, nước mạnh không có con đường nào khác là phải tiến lên CNXH, chỉ có CNXH mới thực hiện được “ham muốn tốt bậc” của Người và khát vọng ngàn đời của dân tộc ta.

Độc lập dân tộc là điều kiện để xây dựng thành công CNXH, và CNXH là cơ sở bảo đảm cho độc lập dân tộc vững bền.

Ngày nay, đổi mới là nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, XH công bằng, dân chủ, văn minh. Để hoàn thành mục tiêu trên, đổi mới không bao giờ là thay đổi mục tiêu XHCN. Tự do tư sản chỉ là cái bánh vẽ mà Liên xô và Đông âu phải trả giá, quyết không phải là sự lựa chọn của chúng ta.

Tuy nhiên xây dựng CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở một nước nghèo nàn lạc hậu là một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn phức tạp, chúng ta phải khôn ngoan, sáng tạo, phải biết vận dụng các công cụ kinh tế thị trường để phục vụ cho CNXH, sao cho đạt mục đích, nhưng không chệch mục tiêu đã định.

2. Đổi mới là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, do đó phải phát huy quyền làm chủ của dân, khơi dậy mạnh mẽ nội lực để công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Khai thác triệt để mọi nguồn lực ở bên trong, nhất là nguồn lực con người, phải thu hút tốt các nguồn lực bên ngoài, phải lấy nguồn lực bên trong làm gốc, phải sử dụng có hiệu quả nguồn lực

bên ngoài. Phải quán triệt quan điểm: Tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng CNXH; CNXH là công trình tập thể của người dân, phải đem tài dân sức dân làm lợi cho dân. Tạo không khí dân chủ trong XH, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, phải nâng cao bản lĩnh công dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân để đi lên.

3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Công cuộc đổi mới của ta diễn ra trong lúc cuộc CM KHCN trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa, tác động mạnh mẽ vì thế cần tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước. Giao lưu hội nhập nhưng phải giữ gìn bản sắc dân tộc, hòa nhập nhưng không hòa tan, hòa nhập với thế giới để khai thác tất cả những gì tinh túy nhất, tốt đẹp nhất. Nâng cao bản lĩnh tiếp thu văn hóa nhân loại, chống văn hóa độc hại.

4. Xây dựng đảng, xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cần kiệm xây dựng đất nước

Xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên trong hệ thống chính trị, trong các doanh nghiệp trong sạch, liêm khiết, thật sự là đầy tớ của dân, xử lý những cán bộ thoái hóa, tham nhũng.

Cũng cố quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân do dân vì dân, quán triệt tinh thần tiết kiệm của Bác Hồ: sản xuất không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống. . .

BÀI 4: TTHCM VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC & KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI

1. Đặt vấn đề

Có một nhà nghiên cứu (không được công bố trên báo chí) khi thảo luận TTHCM về đại đoàn kết (ĐĐK), cho rằng ĐĐK của HCM không phải là một tư tưởng mà chỉ là một khẩu hiệu kêu gọi hành động.

Giáo sư Trần Văn Giàu đã nói : có người bảo ĐĐK mà xếp vào loại tư tưởng à? ĐĐK chỉ là một khẩu hiệu thôi! Đúng là một khẩu hiệu nhưng mà là một khẩu hiệu tràn đầy tư tưởng. CácMac và AnGen đã kêu gọi giai cấp Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại, ai dám bảo đó là chỉ là khẩu hiệu? Chỉ có những ai không có khả năng tư tưởng thì mới can đảm nói như vậy . Đến cụ Hồ thì ĐĐK được xây dựng trên cả một cơ sở lý luận chứ không phải là đơn thuần là tình cảm tự nhiên ”người trong một nước phải thương nhau cùng”.

ĐĐK là một nội dung rất cơ bản của TTHCM, là tư tưởng nổi bật, đã trở thành chiến lược ĐĐK của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công là một chiến lược, sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam.

Hình ảnh Bác Hồ cầm chiếc đua chỉ huy dàn nhạc bài Kết đoàn chào mừng đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3 thắng lợi tượng trưng nổi vật cho tư tưởng của người.

ĐĐK trở thành cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam, gắn với tên tuổi và sự nghiệp của HCM.

2. Những cơ sở hình thành TTHCM về đại đoàn kết

I. Những cơ sở hình thành TTHCM về ĐĐK

I.1. Nền tảng văn hóa truyền thống Việt Nam

Dân tộc ta hình thành, tồn tại và phát triển suốt bốn ngàn năm lịch sử, gắn liền với yếu tố cố kết cộng đồng dựng nước và giữ nước.

Để tồn tại và phát triển, dân ta phải chống thiên tai, thường xuyên và liên tục, trị thủy các con sông lớn, cải tạo xây dựng đồng ruộng, trồng lúa nước

Văn minh nông nghiệp trồng lúa nước chính là văn hóa tạo ra sự cấu kết cộng đồng của những người cùng sống trên một dải đất, có chung một kiểu sinh hoạt kinh tế, cùng một tâm lý. Nghĩa là cố kết thành dân tộc.

Mặt khác, dân ta phải thường xuyên đương đầu với các thế lực ngoại bang hung bạo. Để chiến thắng dân ta phải xiết chặt muôn người như một, chống xâm lược tạo nên truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc.

Yêu nước, nhân nghĩa, trọng đạo lý làm người, đề cao trách nhiệm cá nhân đối với XH, lấy dân làm gốc, coi trọng lòng khoan dung độ lượng, hòa hiếu, không gây thù oán, cố kết cộng đồng đã trở thành tình cảm tự nhiên của mỗi con người Việt Nam.

Khái quát tình cảm tự nhiên, ca dao viết: “ Nhiều điều phủ lấy giá gương. . . . Bàu ơi thương lấy bí cùng. . . ”

Truyền thống đó được nhân lên thành triết lý nhân sinh: “ Một cây làm chẳng lên non. . . Thuận vợ thuận chồng. . . Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết. . . ”

Chủ nghĩa yêu nước cổ kết cộng đồng và triết lý nhân sinh, được khái quát thành tư duy chính trị, phép ứng xử của con người trong tình làng nghĩa nước: “ Nước mất thì nhà tan, giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh.”

Từ tư duy chính trị nâng thành phép trị nước: Khoan thư sức dân làm kế sâu gốc bền rễ giữ nước (Trần Hưng Đạo). Tướng sĩ một lòng phụ tử. . (Nguyễn Trãi)

VN xuất hiện khái niệm “đồng bào”.

Bác tổng kết: “Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, lướt qua mọi khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước. . .”

I.2. HCM kế thừa tư tưởng đoàn kết trong kho tàng văn hóa nhân loại

Bác gạn đục khơi trong, tiếp thu tư tưởng đại đồng, nhân ái, thương người như thương mình, nhân, nghĩa, trong học thuyết Nho giáo.

Tiếp thu tư tưởng lục hòa, cư xử hòa hợp giữa người với người, cá nhân với cộng đồng, con người với môi trường tự nhiên của phật giáo (năm điều cấm: nói dối, sát sinh, tà dâm, uống rượu, trộm cướp).

Tiếp thu tư tưởng đoàn kết của Tôn Trung Sơn, nhất là Chủ nghĩa Tam dân, chủ trương đoàn kết 400 dòng họ người TQ, không phân biệt giàu nghèo, chống thực dân Anh, chủ trương liên Nga, dung Cộng, ủng hộ công nông.

I.3. Người trăn trở về vấn đề đoàn kết lực lượng chống Pháp và cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới

Người thấy các phong trào chống Pháp của dân ta tuy rầm rộ nhưng đều thất bại, do không quy tụ được sức mạnh của cả dân tộc. . . Người thấy được những hạn chế trong việc tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước tiền bối. (Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học. . . đều yêu nước thương dân, nhưng về tập hợp lực lượng thì các bậc tiền bối này đều có vấn đề, cho nên tập hợp không được rộng rãi, không đầy đủ, cho nên không thể chiến thắng kẻ thù). Ví dụ như cụ Phan Bội Châu chủ trương tập hợp 10 hạng người chống pháp: Phú Hào, Quý Tộc, Nhi nữ, Anh sĩ, Du đồ, Hôi đảng, Thông ngôn, Kí lục, Bồi bếp, Tín đồ thiên chúa giáo nhưng thiếu Công nhân, Nông dân.

Đi khắp các thuộc địa và CNDQ, nhưng chưa thấy dân tộc nào làm CM giải phóng thành công, do thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, chưa biết tổ chức đoàn kết lực lượng.

Nghiên cứu CM tháng 10, người thấy nổi bật bài học về đoàn kết tập hợp lực lượng công nông để làm CM giành chính quyền và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, đánh tan sự tấn công của 14 nước đế quốc và bọn Bạch Vệ, xây dựng đất nước theo con đường XHCN.

I.4. Tiếp thu quan điểm CN Mác-Lê Nin về đoàn kết lực lượng trong CM XHCN

CN MÁC – LÊ NIN phát hiện ra quy luật XH là sản xuất vật chất, nhờ đó phát hiện ra vai trò quyết định sự phát triển xã hội của quần chúng nhân dân.

Sự vận động của XH luôn gắn với một giai cấp nhất định mà giai cấp đó đứng ở một trung tâm của thời đại. Thời đại ngày nay giai cấp công nhân là giai cấp đứng ở trung tâm thời đại mới, có lợi ích phù hợp với lợi ích của nông dân và các giai tầng lao động khác, vì thế giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng, tổ chức đoàn kết mọi giai tầng XH, đoàn kết cả dân tộc, cả quốc tế, các dân tộc bị áp bức để thủ tiêu CNTB, xây dựng CNXH, CNCS.

Đề đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng, trước hết phải thiết lập liên minh công nông, lấy đó làm nòng cốt, sau đó sẽ đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng bên trong và bên ngoài.

Bác viết: Lênin là hiện thân của tình anh em bốn bể, là tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết, tập hợp các lực lượng cách mạng trên thế giới vào cuộc đấu tranh chống CNDQ.

I.5. Yếu tố chủ quan của HCM

Là người có lòng yêu nước thương dân vô bờ bến, trọng dân, tin dân, kính dân, hiểu dân, trên cơ sở nắm vững dân tình, dân tâm, dân ý. Người luôn chủ trương thực hiện dân quyền, dân sinh, dân trí, dân chủ. Vì vậy người được dân yêu, dân tin, dân kính phục.

Đó chính là cơ sở của mọi tư tưởng sáng tạo của HCM, trong đó có tư tưởng ĐĐK của Người.

II. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HCM VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT

.1. Đại đoàn kết là vấn đề chiến lược, quyết định thành công của cách mạng Tư tưởng ĐĐK không phải là thủ đoạn chính trị nhất thời, không phải là sách lược mà là vấn đề mang tính chiến lược. Người xác định “đoàn kết là lẽ sinh tồn dân tộc ta, lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập tự do, trái lại thì nước ta bị xâm lấn”

Từ khi Đảng ra đời, đoàn kết theo TTHCM thực sự là bộ phận hữu cơ trong đường lối CM của đảng, chỉ có đoàn kết mới có sức mạnh đưa CM tới thành công.

CM là cuộc chiến đấu khổng lồ, không tập hợp được rộng rãi lực lượng quần chúng thì sẽ không thể thắng lợi. Chủ nghĩa thực dân thực hiện âm mưu chia để trị, vậy ta phải đoàn kết muôn người như một, phải thực hiện chữ “đồng” thì mới thành công.

II.2. Đại đoàn kết là đại đoàn kết toàn dân

Khái niệm "dân" của HCM: "Dân" theo HCM là đồng bào, là anh em một nhà. Dân là không phân biệt già trẻ, trai gái, giàu, nghèo. Dân là toàn dân, toàn thể dân tộc Việt Nam, bao gồm dân tộc đa số, thiểu số, có đạo, không có đạo, tất cả những người sống trên dải đất này. Như vậy dân theo HCM có biên độ rất rộng, vừa được hiểu là mỗi cá nhân, vừa được hiểu là toàn thể đồng bào, nhưng dân không phải là khối đồng nhất, mà là một cộng đồng gồm nhiều giai tầng, dân tộc có lợi ích chung và riêng, có vai trò và thái độ khác nhau đối với sự phát triển XH. Nắm vững quan điểm giai cấp của Mác-Lênin, HCM chỉ ra giai cấp công nhân, nông dân là những giai cấp cơ bản, vừa là lực lượng đông đảo nhất, vừa là những người bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, có tinh thần cách mạng triệt để nhất, là gốc của CM.

Vai trò của dân: HCM chỉ rõ dân là gốc của CM, là nền tảng của đất nước, là chủ thể của ĐĐK, là lực lượng quyết định mọi thắng lợi của CM.

Phương châm: ĐĐK theo HCM là ai có tài, có đức, có lòng phụng sự tổ quốc và nhân dân, thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì ta thật thà đoàn kết với họ.

Ba nguyên tắc đoàn kết:

Muốn đoàn kết thì phải hiểu dân, tin dân, dựa vào dân, tránh phân biệt giai cấp đơn thuần, cứng nhắc, không nên phân biệt tôn giáo, dân tộc, cần xóa bỏ thành kiến, cần thật thà đoàn kết rộng rãi. Người thường nói: Năm ngón tay có ngón vắn ngón dài, nhưng vắn dài đều hợp lại nơi bàn tay. Trong mấy mươi triệu người cũng có người thế này người thế khác, dù thế này, thế khác cũng đều là dòng dõi của tổ tiên ta.

Muốn ĐĐK phải khai thác yếu tố tương đồng, hạn chế những điểm khác biệt giữa các giai tầng dân tộc, TG. . . Theo HCM, đã là người Việt nam (trừ Việt gian bán nước) đều có những điểm chung: Tổ tiên chung, nòi giống chung, kẻ thù chung là CN thực dân, nguyện vọng chung là độc lập, tự do, hòa bình thống nhất. . . . giai cấp và dân tộc là một thể thống nhất, giai cấp nằm trong dân tộc và phải gắn bó với dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân là giải phóng cho cả dân tộc.

Phải xác định rõ vai trò, vị trí của mỗi giai tầng XH, nhưng phải đoàn kết với đại đa số người dân lao động (CN, ND, Tri thức, các tầng lớp lao động khác . . .), đó là nền, là gốc của ĐĐK, nòng cốt là công nông.

II.3. Đại đoàn kết phải có tổ chức, có lãnh đạo

Đoàn kết là vấn đề chiến lược, sống còn, không phải là tập hợp ngẫu nhiên, cảm tính, tự phát, mà được xây dựng trên một cơ sở lý luận khoa học. Do đó phải có tổ chức, lãnh đạo để hoàn thành mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH.

Sau khi tìm ra con đường cứu nước, HCM luôn quan tâm tới việc hình thành các tổ chức để tập hợp mọi lực lượng, giai tầng cho phù hợp với yêu cầu của CM, trong đó Mặt trận Dân tộc Thống nhất là tổ chức rộng rãi nhất.

Đây là điểm khác nhau về cơ bản so với mọi phong trào chống pháp trước đây. Cụ thể :

Mặt trận Dân tộc Phản đế Đông Dương 1930-1931.

Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936-1939.

Mặt trận Việt Minh 1941-1951, Mặt trận Liên Việt (Hội Liên hiệp Quốc dân VN) 29.5.1946 (gồm những người yêu nước không đảng phái lập liên minh yêu nước: Bùi Bằng Đoàn, Huỳnh Thúc Kháng). 07-03-51, V-Minh và Liên Hiệp ĐH hợp nhất lấy tên Liên Việt.

Mặt trận Tổ quốc Việt nam 09.55

Ở Miền Nam:

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam 20.12.1960 (Nguyễn Hữu Thọ chủ tịch).

Liên minh các Lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt Nam (luật sư Trịnh Đình Thảo, chủ tịch).

Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam 6-1969 (Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, chủ tịch).

Năm 1976, Mặt trận Tổ quốc VN (miền bắc) + với MT dân tộc giải phóng MNVN + Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ & HBVN đại hội, thống nhất thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Năm nguyên tắc xây dựng Mặt trận:

Nền tảng là liên minh công nông

Lấy lợi ích tối cao của dân tộc gắn với lợi ích của các tầng lớp lao động làm cơ sở. Đó là độc lập, thống nhất tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho người dân, dân giàu, nước mạnh. Đồng thời quan tâm tới lợi ích chính đáng của cá nhân, bộ phận, giải quyết thỏa đáng lợi ích chung và riêng.

ĐĐK là lâu dài, chặt chẽ, thiết thực, rộng rãi, vững chắc.

ĐĐK phải gắn bó với đấu tranh, đấu tranh để củng cố tăng cường đoàn kết, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, chống cô độc, hẹp hòi, đoàn kết một chiều

Mặt trận phải do Đảng lãnh đạo, đây là nguyên tắc quan trọng nhất của ĐĐK.

- Đảng là thành viên của mặt trận, nhưng là lực lượng lãnh đạo Mặt trận, là linh hồn khối ĐĐK, Đảng là đảng giai cấp CN VN, vừa là đảng của nhân dân lao động và của dân tộc VN.

- Đảng vừa là đạo đức, vừa là văn minh, Đảng phải tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm, danh dự của dân tộc.

- Đảng phải là bộ phận trung thành nhất, có năng lực lãnh đạo, có đường lối đúng mới xứng đáng địa vị lãnh đạo mặt trận. Đảng cần tuyên truyền giáo dục, nêu gương, lấy lòng chân thành để cảm hóa, kêu gọi tinh thần tự giác, có thái độ tôn trọng các tổ chức đoàn thể mặt trận, biết lắng nghe người ngoài Đảng. Trong Đảng phải xiết chặt đoàn kết, Đảng viên phải biết giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

II.4. Đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đoàn kết quốc tế

Đoàn kết trên lập trường giai cấp CN nghĩa là bao hàm cả đoàn kết quốc tế, tạo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế, chủ nghĩa yêu nước chân chính gắn với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

CM giải phóng dân tộc và CM XHCN ở nước ta muốn thành công đòi hỏi phải đoàn kết quốc tế để tạo sức mạnh đồng bộ và tổng hợp.

Thực hiện đoàn kết quốc tế, HCM quan tâm đoàn kết cách mạng nước ta với các phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế, với các phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trên thế giới, các phong trào đấu tranh cho hòa bình, dân chủ tiến bộ. Người đặc biệt chú trọng xây dựng khối đoàn kết 3 nước đông dương, mặt trận VN –LÀO –CPC, mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với VN.

3. TTHCM về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

1. Tính tất yếu của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

Trong quá trình hoạt động lãnh đạo CM HCM đã tổng kết giá trị và sức mạnh truyền thống của dân tộc trường tồn suốt 4000 năm là CN yêu nước, yếu tố cổ kết cộng đồng, anh hùng, dũng cảm, sáng tạo, cần cù, thông minh, nhân ái, vị tha, khoan dung, độ lượng.

Tuy nhiên khi CNTB trở thành CNDQ đi xâm lược thuộc địa thì chỉ dựa vào sức mạnh truyền thống sẽ không đủ sức giải phóng dân tộc.

Trong quá trình tìm đường cứu nước, người đã tiếp cận sâu sắc CNDQ, người ra sức hoạt động để tập hợp đoàn kết các lực lượng bị áp bức trên thế giới chống chủ nghĩa ĐQ.

Đến với CN Mác-Lênin, người tìm thấy ở đó con đường cứu nước chân chính, trong đó độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, là chân lý của thời đại, CM tháng 10 Nga đã chứng minh điều đó.

Sau cách mạng tháng 10 CNXH phát triển thành một hệ thống, phong trào CS và CNQT, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh cho hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội phát triển mạnh mẽ.

Từ đó HCM đã sớm có ý thức đặt CMVN vào quỹ đạo CM vô sản thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của lực lượng cách mạng tiến bộ của thời đại.

Nhờ sự kết hợp này mà những giá trị truyền thống dân tộc được nâng lên một trình độ mới, tạo nên những thắng lợi huy hoàng của CMVN.

2. Những nội dung chủ yếu về sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.1. Đặt CMVN trong quan hệ hữu cơ với CMVS thế giới

Đọc sơ thảo luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh rút ra kết luận: Muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường CMVS. Đặt cách mạng VN vào quỹ đạo cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã khắc phục được sự khủng hoảng về đường lối cứu nước của nước ta.

Về thực tiễn, Người luôn luôn quan tâm hình thành các tổ chức để thực hiện sự kết hợp này: 1921 người sáng lập hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pari, báo Người cùng khổ, hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông (1925).

Trên các diễn đàn quốc tế, Người luôn khẳng định vai trò của CM thuộc địa và sự cần thiết liên minh chiến đấu giữa CM giải phóng dân tộc với CMVS chính quốc, CM giải phóng dân tộc giữa các nước thuộc địa với nhau.

2.2. Kết hợp chặt chẽ CN yêu nước với CNQTVS, độc lập dân tộc với CNXH

HCM nhấn mạnh CN yêu nước chân chính phải gắn liền với CNQT vô sản trong sáng. Tinh thần vị quốc chân chính đối lập với tinh thần vị quốc của bọn phản động cầm đầu các nước tư bản, đế quốc.

Trong kháng chiến chống, Pháp, Mỹ, người luôn giáo dục cho nhân dân ta phân biệt rõ người Pháp-Mỹ chân chính với những người Pháp-Mỹ thực dân, đế quốc; những người lao động yêu hòa bình công lý ở các nước TB, ĐQ, với những người Pháp-Mỹ hiếu chiến, xâm lược.

Cách mạng giải phóng dân tộc các thuộc địa phải biết đoàn kết với những người lao động chân chính ở các nước đế quốc. Người đấu tranh không mệt mỏi chống những biểu hiện của tư tưởng “sô vanh”, “vị kỷ” nhằm củng cố tăng cường tính đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới.

Đặt cách mạng VN vào quỹ đạo CMVS thế giới là sự kết hợp tinh hoa dân tộc với trí tuệ thời đại, làm cho chủ nghĩa yêu nước truyền thống phát triển thành chủ nghĩa yêu nước XHCN, lòng yêu nước với yêu CNXH.

2.3. Tranh thủ sự giúp đỡ của các lực lượng cách mạng tiến bộ thế giới nhưng phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ dựa vào sức mình là chính

Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng tiến bộ trên thế giới nhưng không ỷ lại trông chờ, mà phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, phải đem sức ta để tự giải phóng cho ta.

Ta không nhận sự giúp đỡ một chiều của bạn bè quốc tế, mà phải bằng thành quả của cách mạng nước ta để góp phần tăng cường sức mạnh cách mạng thế giới, theo tinh thần giúp bạn là tự giúp mình.

BÀI 5: TTHCM VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN

1. Đặt vấn đề

Trong 60 năm hoạt động cách mạng, có 5 sự kiện HCM cho là sung sướng nhất, đáng ghi nhớ nhất

Tháng 6/1919 gọi hội nghị Vec-xây bản yêu sách, Nguyễn Ái Quốc là người đại diện chính thức cho nhân dân An Nam.

Ngày 30-12-1920 trở thành người Cộng Sản.

Cuối tháng 5 đầu tháng 6-1924 dự Đại hội 5 Quốc tế Cộng sản, 3 lần đọc tham luận, Dự ĐH Quốc Tế nông dân, được bầu vào đoàn chủ tịch, 1/5/1924 dự mít tinh tại Quảng Trường đỏ, được mời lên đoàn chủ tịch cuộc mít tinh, vị thế của Người được xác lập nhanh chóng
Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Viết Tuyên Ngôn Độc Lập cho dân tộc Việt Nam.

2. TTHCM về Đảng Cộng Sản

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HÌNH THÀNH TTHCM VỀ ĐCS

I.1. Cơ sở lý luận

TTHCM hình thành và phát triển trên cơ sở chủ nghĩa Mác Lê Nin, trong đó có tư tưởng của Người về Đảng Cộng Sản.

Mác Angen đã phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp CN gắn với sự diệt vong tất yếu của CNTB. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử giai cấp CN cần phải tổ chức ra chính đảng CM của mình. Tuy nhiên thời kỳ đó chưa có một ĐCS nào được thành lập.

Kế tục sự nghiệp của Mac AnGen, Lê Nin đã nêu lên những quan điểm cơ bản về ĐCS và xây dựng ĐCS – Đảng của giai cấp CN.

Đặc biệt Lê Nin đã đề ra những quan điểm về CM giải phóng dân tộc theo con đường CM VS, trong đó có vai trò lãnh đạo của ĐCS ở những nước thuộc địa.

Hồ Chí Minh tiếp thu Chủ Nghĩa Mác Lê Nin, trong đó có lý luận về xây dựng ĐCS ở những nước thuộc địa để lãnh đạo giai cấp CN.

I.2. Cơ sở thực tiễn

Năm 1918, HCM đã giác ngộ CM và gia nhập Đảng XH Pháp.

Tháng 12/1920 Đảng XH Pháp họp ở Tua, HCM bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế CS và trở thành Đảng viên ĐCS và lãnh tụ sáng lập ĐCS Pháp. Điều này chứng tỏ HCM đã giác ngộ sâu sắc và thấu hiểu những vấn đề lý luận của Chủ Nghĩa Mac-Lê Nin về ĐCS.

Sau khi trở thành người CS, HCM tích cực truyền bá CN Mác-Lê Nin về Việt Nam và các nước thuộc địa, chuẩn bị cho việc ra đời của ĐCS Việt Nam, một Đảng ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu, giai cấp CN còn non trẻ, số lượng chưa nhiều.

Cách mạng tháng 8 thành công, ĐCS Việt Nam thành Đảng cầm quyền, HCM là lãnh tụ Đảng 24 năm. Người hiểu sâu sắc yêu cầu và đề ra những quyết định đúng đắn về xây dựng Đảng cầm quyền.

HCM đã kết hợp nhuần nhuyễn lý luận và thực tiễn trong sáng lập và lãnh đạo Đảng cầm quyền ở Việt Nam.

II. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HCM VỀ SỰ RA ĐỜI VÀ VAI TRÒ CỦA ĐCS VN

II.1. Quan điểm của HCM về sự ra đời của ĐCS VN

Trong tác phẩm “Đường Cách Mệnh” HCM nêu: Để làm Cách Mệnh trước hết phải có cái gì? Người khẳng định: phải có Đảng Cách Mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản mọi nơi, Đảng có vững thì cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy.

Tác phẩm Đường cách mệnh đóng vai trò lý luận và tổ chức để chuẩn bị cho sự ra đời của ĐCS VN . Bằng tác phẩm này Người đã tập hợp, giáo dục, giác ngộ lý tưởng cộng sản cho những người yêu nước tiên bối VN.

Người về Trung Quốc cải tổ Tâm Tâm Xã thành Việt Nam Thanh niên CM Đồng chí hội, mở các lớp bồi dưỡng cán bộ đưa về nước hoạt động, 3 tổ chức CS VN ra đời ở 3 miền (Đông Dương CS Đảng, An Nam CS Đảng, Đông Dương CS Liên đoàn ra đời). Ba tổ chức này không thống nhất về tư tưởng, tổ chức. Trước tình hình đó, đòi hỏi phải hợp nhất 3 Đảng thành một Đảng duy nhất. Được sự chỉ đạo của Quốc tế CS, từ Thái Lan Người về Trung Quốc tổ chức hội nghị hợp nhất các tổ chức Đảng ở Việt Nam và Đảng CS VN ra đời ngày 3-2-1930.

Như vậy quy luật ra đời của ĐCS VN có khác gì so với các ĐCS và Đảng của giai cấp công nhân khác?

Xuất phát từ đặc điểm của Châu Âu, Lê Nin nêu luận điểm về sự ra đời của ĐCS là sự kết hợp giữa CN Mac-Lê Nin với phong trào công nhân.

Vận dụng Chủ nghĩa Mac-Le Nin vào điều kiện VN, HCM cho rằng: ĐCS VN ra đời trên cơ sở kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước VN với chủ nghĩa Mac-Le Nin và phong trào Công nhân VN. Trong 3 yếu tố đó HCM cho rằng, Chủ nghĩa Mac-Lê Nin là “cơ sở”, “nền tảng lý luận”, là “cái cảm nang thần kỳ”, là yếu tố tự giác dẫn đường cho phong trào CN phát triển từ tự phát đến tự

giác. Phong trào công nhân VN thế kỷ 20 là cái “cột vật chất”, nếu thiếu cái cột Vật chất đó thì chủ nghĩa Mac-Lê Nin cũng không thể phát huy tác dụng được trên mảnh đất VN. Sự kết hợp này làm cho cả hai yếu tố trở nên vững chắc. Ngoài 2 yếu tố nêu trên, HCM còn nêu thêm cả phong trào yêu nước VN. Bởi vì:

- Phong trào yêu nước VN có từ lâu đời, đã thành truyền thống của dân tộc VN. Khi có giai cấp công nhân và phong trào công nhân thì phong trào yêu nước và phong trào công nhân kết hợp được với nhau ngay từ đầu, không bài xích nhau như một số nước. Sở dĩ như vậy vì cả hai phong trào này đều có mục tiêu chung là giải phóng dân tộc và xây dựng một nước VN hùng cường.

- Phong trào yêu nước ở Việt Nam chính là phong trào nông dân, vì ở VN nông dân chiếm trên 90 % dân số; giai cấp CN ra đời từ nông dân, 2 giai cấp này là bạn đồng minh tự nhiên của nhau trong cuộc cách mạng giải phóng và xây dựng đất nước.

- Ở Việt Nam phong trào yêu nước còn có phong trào của Trí thức và Tư Sản dân tộc, những phong trào này đều hướng vào mục tiêu đấu tranh cho độc lập, tự do của tổ quốc nên cũng kết hợp dễ dàng với phong trào công nhân. Thực tế, lịch sử đã chứng minh điều đó.

Như vậy quan điểm HCM về sự ra đời của ĐCS VN thể hiện sự phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mac-Le Nin về ĐCS vào thực tiễn VN, đáp ứng được yêu cầu phát triển của cách mạng, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc. Ở Việt Nam cơ sở giai cấp và xã hội của ĐCS không chỉ là giai cấp CN mà còn cả nông dân, trí thức, tiểu tư sản, cả dân tộc. Đảng không chỉ đại biểu cho lợi ích giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho lợi ích cả nhân dân lao động và cả dân tộc. Ở VN, giai cấp công nhân đã thật sự trở thành giai cấp dân tộc, tự mình trở thành dân tộc theo chủ nghĩa Mac-Lê Nin.

II.2. Quan điểm HCM về vai trò của ĐCS VN

ĐCS VN ra đời để lãnh đạo cách mạng VN. Sự ra đời đấu tranh trưởng thành của ĐCS VN xuất phát từ yêu cầu này. Mọi giai tầng thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng, nhưng không phải là sự lãnh đạo bất biến nếu Đảng không trong sạch vững mạnh. Vì thế Đảng phải luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn để ngang tầm yêu cầu cách mạng.

Đảng lãnh đạo là phải đề ra nhiệm vụ chính trị, làm công tác tư tưởng, công tác tổ chức, đạt mục tiêu xây dựng 1 nước VN hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Như vậy sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng VN. Đảng có vai trò lớn đồng thời có trách nhiệm lớn với vận mệnh dân tộc.

III. VẤN ĐỀ BẢN CHẤT GIAI CẤP CN CỦA ĐẢNG

III.1. Quan điểm HCM về bản chất giai cấp CN của Đảng

Đảng ta là Đảng của giai cấp CN. Điều này được HCM khẳng định trong nhiều tác phẩm. Đồng thời Người cũng luôn khẳng định ĐCS VN là Đảng của giai cấp CN, của nhân dân, của dân tộc VN. Tại Đại hội 2, báo cáo chính trị HCM nêu rõ: “Trong giai đoạn hiện nay, quyền lợi của giai cấp CN-nhân dân lao động-dân tộc thống nhất là một. Chính vì Đảng CS VN là Đảng của giai cấp CN và nhân dân lao động nên nó phải là Đảng của dân tộc VN”. Tuy cách thể hiện có khác nhau, nhưng ĐCS VN chỉ là Đảng của giai cấp CN. Khi Đảng mang những tên gọi khác nhau nhưng Đảng ta chỉ mang bản chất của giai cấp CN. Khi khẳng định Đảng ta là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc thì toàn bộ nguyên tắc tổ chức sinh hoạt, cơ sở lý luận của Đảng vẫn tuân thủ chặt chẽ học thuyết Mac-LêNin về Đảng kiểu mới của giai cấp CN. Người nhấn mạnh: Về lý luận Đảng theo chủ nghĩa Mac-Lê Nin, về nguyên tắc Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng theo đường lối tự phê bình và phê bình, thi hành kỷ luật sắt nghiêm minh tự giác. Đảng kết nạp, huấn luyện đoàn viên mới...

HCM khẳng định: Tuy giai cấp CN VN số lượng ít so với dân số nhưng nó có đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo các giai tầng khác làm cách mạng để xóa bỏ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới. Các giai tầng khác tuy đông đảo nhưng không đảm đương được vai trò lãnh đạo xã hội, mà chịu sự lãnh đạo của giai cấp CN trong cuộc cách mạng giải phóng mình.

Quan niệm ĐCS VN không chỉ của giai cấp CN mà còn của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam có ý nghĩa to lớn đối với CM VN. Trong Đảng ngoài thành phần giai cấp CN còn có các thành phần khác, nhưng tính chất giai cấp CN phải được tăng cường để bảo đảm sự thống nhất giữa yếu tố giai cấp và dân tộc. Sức mạnh của Đảng không chỉ bắt nguồn từ giai cấp CN mà còn từ các giai tầng khác, làm cho Đảng ngày càng lớn mạnh và nhân dân coi Đảng là Đảng của mình.

III.2. Quan điểm HCM về nền tảng tư tưởng của ĐCS VN

Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mac-Lê Nin. Trong tác phẩm Đường Cách Mệnh, HCM viết: Đảng muốn vững phải có Chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, phải

theo chủ nghĩa ấy. Đảng không có chủ nghĩa như người không có trí khôn, tàu không có bản chỉ nam. CN Mac LêNin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta.

Bác luôn lưu ý Đảng ta trong nhận thức và vận dụng CN Mac-Lê Nin là phải phù hợp với điều kiện từng lúc, từng nơi, từng đối tượng, phải chống giáo điều, chống xa rời các nguyên tắc cơ bản của học thuyết ấy. Đảng phải biết kế thừa những kinh nghiệm tốt của các Đảng bạn, khi giải quyết thành công những vấn đề mới thì phải tổng kết để bổ sung, làm phong phú chủ nghĩa Mac-Lê Nin. Đảng ta phải đấu tranh chống lại chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại, phải bảo vệ tính cách mạng, tính khoa học của chủ nghĩa Mác-LêNin.

IV. QUAN ĐIỂM HCM VỀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ SINH HOẠT ĐẢNG

IV.1. Tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc cơ bản. Tập trung, dân chủ có quan hệ chặt chẽ với nhau: Tập trung nền tảng dân chủ, dân chủ dưới sự chỉ đạo và tập trung.

Đối với tập trung thì thiểu số phải phục tùng vào đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng trung ương

Đối với dân chủ thì mọi người phải bày tỏ hết ý kiến của mình, trong Đảng phải thực hiện dân chủ rộng rãi. Thực hiện tập trung dân chủ thì “Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người thôi. Mọi Đảng viên phải tuyệt đối chấp hành nghị quyết của Đảng.

Thực hiện dân chủ trong Đảng là cơ sở để thực hiện dân chủ ngoài xã hội. Muốn thực hiện dân chủ tốt thì tổ chức Đảng phải trong sạch, vững mạnh, nếu không sẽ dẫn đến tập trung quan liêu và dân chủ quá trớn.

IV.2. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

Tập thể lãnh đạo là dân chủ, cá nhân phụ trách là tập trung. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là tập trung dân chủ. Tại sao phải tập thể lãnh đạo? Vì một người dù khôn ngoan, tài giỏi mấy cũng không thể thấy hết mọi mặt của vấn đề. Vì thế cần phải có nhiều người, người thấy mặt này, người thấy mặt khác sẽ tránh được sai lầm.

Vì sao phải có người phụ trách? việc gì bàn kỹ rồi phải giao cho 1 hoặc vài người chuyên trách, có chuyên trách công việc mới chạy. Nếu không sẽ sinh ra dựa dẫm, ỷ lại giống như kiểu là nhiều sãi nhưng không ai đóng cửa chùa. Thực hiện nguyên tắc này phải chống lại bệnh độc

đoán, chuyên quyền, vi phạm dân chủ, dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm, hoặc bao biện, ôm đồm.

IV.3. Tự phê bình và phê bình

Đây là quy luật phát triển Đảng. Bởi vì Đảng ta cũng ở trong xã hội. Con người không phải thần thánh, ai cũng phải có khuyết điểm cả, nên phải tự phê bình và phê bình như rửa mặt hàng ngày làm cho phần tốt ngày càng nảy nở, phần xấu ngày càng ít đi. Một Đảng mà dấu khuyết điểm là một Đảng hỏng, có gan thừa nhận những khuyết điểm, tìm cách sửa chữa để tiến bộ sẽ là một Đảng chân chính.

Thái độ tự phê bình và phê bình là phải chân thành, thẳng thắn, không nể nang, không giấu giếm, không thêm bớt, phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

IV.4. Kỷ luật nghiêm minh tự giác

Kỷ luật Đảng là kỷ luật sắt, nghiêm minh tự giác. Việc coi thường kỷ luật Đảng, không tự giác chấp hành kỷ luật sẽ làm suy yếu và tan rã Đảng.

IV.5. Đoàn kết thống nhất trong Đảng

Người nhấn mạnh: Đảng viên phải biết giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Đảng không thống nhất sẽ rơi vào bè phái, chia rẽ và tan rã. Muốn đoàn kết phải thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình, tu dưỡng đạo đức, chống chủ nghĩa cá nhân.

IV.6. Tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với dân

Sức mạnh của Đảng là ở nơi dân, Đảng lãnh đạo nhưng dân là chủ nên Đảng phải biết lắng nghe học hỏi thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của dân, phải vận động nhân dân xây dựng Đảng. Đảng phải chăm lo nâng cao dân trí, không được theo đuổi quần chúng. Đảng là người đầy tớ nhưng là người lãnh đạo người dân. Nếu có chức vụ thì đó là do sự uỷ thác của dân, cần phải làm tốt như người lính vâng mệnh quốc dân ra mặt trận.

V. QUAN ĐIỂM HCM VỀ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA ĐẢNG

V.1. Quan điểm HCM về cán bộ

Cán bộ là cái gốc của công việc, muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Người nêu 2 yêu cầu với cán bộ như sau:

Cán bộ phải có đạo đức cách mạng: đạo đức là cái gốc của con người. Ngoài đạo đức ra cán bộ còn phải có tài, có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.

Cán bộ phải có lòng trung thành với Đảng, tổ chức, nhân dân. Cán bộ phải giữ quan hệ máu thịt với nhân dân phải là người giàu sang không quyền rũ, nghèo khó không chuyển lay, uy vũ không khuất phục. Phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, đứng mũi chịu sào, hy sinh lợi ích riêng để phục vụ nhân dân.

- Cán bộ phải luôn học tập nâng cao trình độ, học trong mọi môi trường, mọi hoàn cảnh.
- Cán bộ phải có năng lực tổ chức thực hiện đường lối, biến chủ trương, đường lối của Đảng thành hiện thực.
- Cán bộ phải có phong cách tốt, nói đi đôi với làm, không quan liêu mệnh lệnh, phô trương hình thức, phải làm tốt công tác dân vận: Chân đi, tai nghe, mắt thấy, miệng nói, tay làm.

V.2. Về công tác cán bộ

Công tác cán bộ có vai trò hết sức quan trọng. Cần làm tốt các việc sau đây :

Đảng phải hiểu và đánh giá đối với cán bộ. Phải có những chuẩn mực về cán bộ phù hợp với từng thời kỳ, từng địa phương, từng ngành, từng cấp, từng lĩnh vực. Tránh đánh giá cán bộ theo lối bè cánh, phe phái cục bộ. Đánh giá cán bộ phải công minh, đúng đắn.

Phải khéo dùng cán bộ, người ta ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, cần dùng chỗ hay, giúp họ sửa chữa chỗ dở, dụng nhân như dụng mộc, gỗ to, nhỏ, thẳng, cong đều tùy chỗ mà dùng được.

Khéo kết hợp cán bộ già và trẻ.

Tích cực đào tạo cán bộ tại chỗ, chiêu hiền đãi sỹ, cầu người hiền tài, có gan cất nhắc cán bộ, cần kiểm tra, giúp cán bộ trưởng thành.

3. TTHCM về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân

I. QUÁ TRÌNH HCM LỰA CHỌN VÀ XÁC LẬP NHÀ NƯỚC KIỂU MỚI, NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I.1. Quá trình HCM lựa chọn các kiểu nhà nước

Nhà nước là công cụ mà giai cấp thống trị sử dụng để bảo vệ lợi ích của giai cấp mình, thực hiện sự thống trị đối với xã hội.

Ra đi tìm đường cứu nước HCM chú ý khảo sát các loại hình nhà nước, lựa chọn kiểu nhà nước cho phù hợp với VN .

Người nghiên cứu 3 loại hình thức đương thời.

- Nhà nước thực dân phong kiến

Đây là nhà nước xấu xa, tàn bạo nhất so với các loại nhà nước đương thời.

Về kinh tế: Nhà nước thực dân phong kiến cướp bóc, vơ vét thuộc địa bao gồm tài nguyên, sức người, sức của, thị trường, làm bần cùng hóa người lao động, nhất là nông dân. Nó xây dựng một hệ thống thuế khóa hà khắc, ngặt nghèo đánh vào mọi tầng lớp dân cư, làm cho các nước thuộc địa ngày càng tối tăm, nghèo nàn, lạc hậu (cả về giáo dục, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, mậu dịch).

Về chính trị: nó đàn áp đẫm máu các phong trào cách mạng, yêu nước, dân chủ; thực hiện chính sách chia để trị, tước đoạt tất cả các quyền tự do, dân chủ, quyền làm người, mạng sống của con người không đáng giá 1 đồng trinh. Trong khi đó họ rêu rao là văn minh, khai hóa. Cách thức cai trị là dùng sách lệnh áp đặt, cưỡng bức, chuyên chế hết sức quan liêu.

Về văn hóa: nó thực hiện chính sách ngu dân, làm cho dân tối tăm, dốt nát và bị gạt ra khỏi đời sống chính trị, chúng cấm đoán những tư tưởng yêu nước, cách mạng từ bên ngoài truyền vào. Nó thực hiện chính sách nô dịch tinh thần người lao động, kết hợp thế quyền với thần quyền nhằm làm cho dân ta chấp nhận và yên phận với kiếp nô lệ làm thuê cho ngoại bang.

Người rút ra kết luận: cần phải đập tan bộ máy nhà nước kiểu này, thay bằng nhà nước tiến bộ.

- Kiểu nhà nước dân chủ tư sản

Người nhìn nhận thấy nhà nước này có một số tiến bộ so với nhà nước thực dân phong kiến: nhà nước Anh, Pháp, Mỹ xác lập được các giá trị dân chủ, nhân đạo thể hiện trong lý tưởng cách mạng tư sản là tự do, bình đẳng, bác ái và thực tế đã xây dựng được nhà nước pháp quyền và xã hội công dân, dân được hưởng các quyền tự do và các quyền công dân.

Tuy nhiên nhà nước này có những hạn chế lớn là: nhà nước của một số ít những người nắm tư liệu sản xuất để thống trị xã hội; tuy nó tuyên bố và thực hiện được 1 số quyền dân chủ, nhưng là thực hiện quyền dân chủ không đến nơi, dân chủ hình thức không triệt để. Nó vẫn duy trì đối kháng giai cấp, áp bức bóc lột vì thế nhất định còn diễn ra cách mạng xã hội. (sang MacXây ở Paris, sang Mỹ ở Haclem Broclin... ở đâu cũng có kẻ giàu người nghèo)

Người đi đến kết luận: CM VN thành công sẽ không lựa chọn mô hình nhà nước kiểu dân chủ tư sản như ở Anh, Pháp, Mỹ, đó là 1 vấn đề có tính nguyên tắc.

- Loại hình nhà nước Xô Viết

Tháng 6/1923 sang Liên Xô, sau đó sống và làm việc ở đó nhiều lần, người chứng kiến, thể nghiệm rút ra những nhận xét về những ưu thế nổi bật của nhà nước Xô Viết mà các nhà nước khác không có là:

Nhà nước của số đông, nó bảo vệ lợi ích của số đông đó.

Vì nhà nước thực hiện các quyền dân chủ đến nơi, nhân dân được thực sự làm chủ xã hội.

Trong quan hệ quốc tế nhà nước Xô Viết thực hiện chính sách cùng tồn tại hòa bình, lấy hòa bình đối lập với chiến tranh, nhà nước Xô Viết ủng hộ giúp đỡ các cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa giành độc lập và lựa chọn con đường phát triển đi lên của mình. (Sự giúp đỡ ở đây là vô tư, trong sáng, không áp đặt một điều kiện nào; đó là chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp CN Nga). Người kết luận: CM VN thành công sẽ thiết lập và xây dựng nhà nước theo mô hình Xô Viết. (Lưu ý: ở Bắc có quá trình lâu dài, phức tạp trong việc lựa chọn các kiểu nhà nước :

Năm 1919 mới nghiên cứu về nhà nước, Bác đưa ra mô hình nhà nước chung nhất với những nét khái quát: nhà nước dân chủ, nhà nước này phải bảo đảm các quyền dân tộc tự quyết, quyền tự do dân chủ, quyền làm người. Tư tưởng về nhà nước dân chủ của Bác đặt nền móng cho vấn đề nhân quyền Việt Nam hiện đại.

1927 Trong tác phẩm Đường Cách Mệnh, Bác chủ trương xây dựng nhà nước của số đông, về nguyên tắc nó đối lập nhà nước của số ít.

Năm 1930 trong cương lĩnh 3/2, Bác chủ trương xây dựng nhà nước công nông binh và trên thực tế Xô Viết Nghệ Tĩnh đã thiết lập hình thức nhà nước kiểu này, xem ra hơi biệt phái, cực đoan.

Năm 1941 khi về nước chỉ đạo chuyển hướng cách mạng, về chính trị Bác chủ trương xây dựng thể chế chính trị dân chủ cộng hoà và nhà nước dân chủ nhân dân. Đây là 1 sáng tạo rất lớn của Bác, bổ sung vào học thuyết nhà nước chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mac-LêNin. Đến đây mô hình nhà nước ở Hồ Chí Minh đã được xác định rõ rệt.

Năm 1945, CMT8 thành công và nhà nước dân chủ nhân dân được thành lập trong phạm vi cả nước từ trung ương đến cơ sở. Sau khi tuyển cử, bầu quốc hội, có hiến pháp, thì nhà nước này là nhà nước duy nhất hợp pháp ở VN. (1947 Bảo Đại lập nhà nước tay sai của Pháp là nhà nước bất hợp pháp).

1954 miền Bắc được giải phóng, bước vào công cuộc xây dựng CNXH, lúc này nhà nước dân chủ nhân dân bắt đầu thực hiện chức năng nhiệm vụ của nhà nước XHCN.

I.2. Quan niệm của HCM về nhà nước của dân, do dân, vì dân

- Là nhà nước do nhân dân lao động làm chủ: (chủ sở hữu nhà nước là nhân dân)

Ở nước ta, dân là chủ nước, nghĩa là trong nước ta mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là người có địa vị cao nhất, quyết định các vấn đề quan trọng nhất của quốc gia dân tộc. Tư cách này được ghi trong hiến pháp, pháp luật.

(1946 điều 1 hiến pháp ghi: trong nước VN Dân chủ Cộng hoà toàn bộ quyền bính đều thuộc về nhân dân, không phân biệt giống nòi, trai gái, giàu nghèo, tôn giáo, giai cấp.

Hiến pháp 1959 điều 4 ghi: trong nước VN toàn bộ quyền lực đều thuộc về nhân dân lao động, người cầm quyền trong bộ máy nhà nước (công chức) chỉ là người được uỷ quyền của dân để gánh vác công việc chung của đất nước, họ là đầy tớ, công bộc của dân vì thế họ phải gần dân, hiểu dân, thương dân, tin dân, phải biết sử dụng sức mạnh của dân, biết đòi hỏi dân, phải có 6 tư cách: óc nghĩ, mắt thấy, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Từ chủ tịch nước đến người công dân đều bình đẳng, như những người lính vâng mệnh quốc dân ra mặt trận. (khi không còn đủ sức lực thì rút khỏi cương vị, không màng danh lợi).

- Dân là chủ nước

Dân là người tổ chức ra các cơ quan nhà nước. Thông qua chế độ tuyển cử, trực tiếp bỏ phiếu kín, bầu các đại biểu xứng đáng thay mặt mình vào các cơ quan quyền lực nhà nước từ cơ sở đến Trung ương,

Quốc hội do dân bầu ra, bầu cử phải thiết thực, tránh hình thức, nên đề cử rộng rãi nhiều ứng cử viên cho dân tự do lựa chọn (QH 46 bầu 333 đại biểu : Hà Nội được 16 đại biểu nhưng đề cử 74 người, Nam Định 15 đại biểu đề cử 70 người... chọn mặt gửi vàng).

Dân là chủ nước thông qua chế độ bãi miễn những đại biểu, những cơ quan nhà nước kể cả chính phủ nếu không còn đủ tín nhiệm, nếu đi ngược lại lợi ích của dân.

Dân là chủ nước thông qua chế độ kiểm tra, phê bình, giám sát hoạt động của các đại biểu, các cơ quan nhà nước do mình cử ra.

Đây là việc khó khăn đòi hỏi dân phải có năng lực, chủ thể quyền lực (dân) phải có trình độ cao, việc kiểm tra giám sát phải có cơ chế. Vì cơ chế thường do người cầm quyền đưa ra, và thường bảo vệ lợi ích của họ. Chỉ thực hiện tốt quyền kiểm tra, phê bình, giám sát thì người dân mới thể hiện rõ tư cách cầm quyền của mình.

Mục tiêu của tổ chức, xây dựng và hoạt động của nhà nước là nhằm không ngừng cải thiện đời sống nhân dân theo phương châm: việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh.

Nâng cao đời sống nhân dân là tiêu chí số 1 đánh giá năng lực hoạt động của nhà nước và năng lực của người cầm quyền.

Nhà nước dân chủ nhân dân là phải lo cho dân về mọi mặt, nhất là những nhu cầu bức xúc, làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, được học hành, có điều kiện khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe. Thoả mãn không phải mang lại cho dân mà nhà nước phải hướng dẫn dân làm 3 việc :

Hướng dẫn dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất nâng cao đời sống. Sản xuất giống như nước, đời sống giống như thuyền, nước lên thì thuyền lên.

Hướng dẫn dân tiết kiệm, sản xuất mà không tiết kiệm thì giống như gió vào nhà trống

Hướng dẫn dân phân phối cho công bằng, cho mọi người được hưởng những phúc lợi chính đáng của mình (không sợ hàng hóa thiếu chỉ sợ phân phối không công bằng, không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên), phân phối vừa là kinh tế vừa là chính trị.

Nhà nước phải điều chỉnh các loại lợi ích, lợi ích trước mắt, lợi ích lâu dài, lợi ích trung ương, lợi ích địa phương..... bảo đảm hài hoà trong các cộng đồng dân cư, xây dựng chính sách sao cho cả công tư đều lợi.

Nhà nước phải được xây dựng trong sạch, liêm khiết, tránh những đặc quyền, đặc lợi, tham ô, hối lộ, quan liêu; phải loại trừ bộ phận quan cách mạng (căn bệnh Bác phát hiện và cảnh báo sớm: sau cách mạng tháng 8, Bác thấy một số Tỉnh xuất hiện một số quan cách mạng; 17-09-1945 viết thư cho một số tỉnh và nói tỉnh ta đã xuất hiện một số quan cách mạng, 17-10-1945 viết thư cho các kỳ, Tỉnh nhắc rằng trong bộ máy nhà nước đã xuất hiện một số cán bộ hủ hoá, thu vén cá nhân; 21-11-1946 Bác ký sắc lệnh 223 quy định những hình thức xử phạt các tội hối

lộ, tham ô, biển thủ công quỹ mức phạt tù khổ sai từ 5 đến 20 năm, phạt về vật chất gấp đôi giá trị đưa và nhận hồi lộ cho tới tịch thu 2/3 gia tài.

I.3. Quan điểm HCM về bản chất giai cấp CN của nhà nước VN

Mọi nhà nước đều mang tính chất giai cấp

Nhà nước là cơ quan thống trị giai cấp, nó bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. (1953, Bác viết cuốn thường thức chính trị)

- Bản chất giai cấp CN của nhà nước ta

a. Nhà Nước ta do giai cấp CN lãnh đạo

b. Các hiến pháp của nhà nước ta đều ghi: “nhà nước ta là nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông do giai cấp CN lãnh đạo“

Vai trò lãnh đạo của giai cấp CN với nhà nước thể hiện ở 3 điểm:

Mục tiêu hoạt động của nhà nước là mang lại lợi ích cho nhân dân, giải phóng nhân dân lao động, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp CN.

Chức năng của nhà nước là dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù, tổ chức xây dựng chế độ xã hội mới.

Nhà nước hoạt động theo cơ chế dân chủ, bảo đảm trên thực tế tư cách là chủ và làm chủ nhà nước của nhân dân. (Bác viết: chúng ta phải không ngừng củng cố tăng cường bản chất giai cấp CN của nhà nước, giai cấp CN lãnh đạo nhà nước không phải do số lượng đông mà do tính chất tiên tiến của nó.)

b. Bản chất giai cấp CN của nhà nước thể hiện trong 5 nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước

Nhà nước ta do Đảng của giai cấp CN lãnh đạo. Đây là nguyên tắc bảo đảm bản chất giai cấp CN của nhà nước ta. (Từ tháng 8-1945, Đảng lãnh đạo nhà nước; tháng 11-1945 Đảng tuyên bố tự giải tán, nhưng thật ra đi vào hoạt động bí mật, Đảng vẫn là tổ chức lãnh đạo nhà nước).

Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ (trước hiến pháp 1959, Bác thường nói dân chủ tập trung, sau hiến pháp 1959, Bác đã viết là tập trung dân chủ cho giống các nước XHCN).

Cơ sở xã hội của nhà nước là khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công nông.

Nhà nước ta tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong điều kiện cụ thể như nước ta, chúng ta không chủ trương xây dựng chế độ tam quyền phân lập như các nước TB.

Nhà nước ta quản lý xã hội bằng pháp luật, pháp luật là ý chí, nguyện vọng của quần chúng nhân dân được đưa lên thành pháp luật

**c. Nhà nước ta có sự thống nhất giữa bản chất giai cấp CN, tính nhân dân và tính dân tộc.
(Đây là tư tưởng độc đáo của Bác)**

Cơ sở khách quan của sự thống nhất này :

Ở VN sự ra đời của nhà nước kiểu mới là kết quả của cuộc đấu tranh của toàn dân, của mọi dân tộc trên đất nước VN. Vì vậy toàn dân VN tham gia vào việc xây dựng nhà nước (Sau cách mạng tháng 8, ta có sai lầm không chiếm ngân hàng Pháp mà chỉ chiếm kho bạc Đông Dương, thu trên 1 triệu có trên 400.000 tiền rách, tài chính hết sức khó khăn. Bác phát động tuần lễ vàng, dân đóng góp (chủ yếu người giàu) 20 triệu đồng và 370 kg vàng, thành quả đó là của toàn dân, kể cả của người giàu).

Nhà nước ta đại diện cho lợi ích giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Sự thống nhất này là sự thống nhất lợi ích chung, đó là độc lập, tự do, cơm no, áo ấm cho mọi người. Ngày nay CNXH là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm đồng thuận cho cả dân tộc hiện nay.

I.4. Quan điểm HCM về nhà nước pháp quyền

- Quản lý XH bằng pháp luật là cách quản lý dân chủ, tiến bộ

Trong yêu sách 8 điểm 6-1919 gửi cho hội nghị Véc-xây, Bác yêu cầu thay đổi chế độ pháp lý ở Việt Nam; trong bài thơ : “Việt Nam yêu cầu ca” viết 1923, câu thứ 7 Bác viết: “ Bày xin hiến pháp ban hành, 100 điều phải có thần linh pháp quyền”.

Năm 1945 khi có nhà nước, người nêu 6 nhiệm vụ cấp bách, trong phần xây dựng hiến pháp nhà nước Bác nêu 2 nguyên tắc: Hiến pháp phải xuất phát từ đặc điểm của VN, phải kế thừa các giá trị hiến pháp của các nhà nước Anh, Pháp, Mỹ.

9-11-1946 nước ta có hiến pháp đầu tiên, nay có thêm hiến pháp 1959, 1980, 1992 nhưng hiến pháp 1992 thực chất có nhiều điều trở về với hiến pháp 1946, vì đều chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền VN.

Nhà nước pháp quyền là vấn đề cơ bản trong tư tưởng HCM: một xã hội, một đất nước phải có hiến pháp, pháp luật quản lý. Vì thế tháng 10-1945 Bác ký sắc lệnh 47 sử dụng các đạo luật cũ để điều chỉnh các quan hệ dân sự của chế độ mới (vì pháp luật có những giá trị chung).

Bác đứng đầu nhà nước 24 năm, chủ trì soạn thảo 2 hiến pháp, 16 đạo luật, 1300 văn bản dưới luật; cố gắng thay sắc lệnh bằng luật để khắc phục tính cường chế quan liêu của sắc lệnh.

- Bác đặc biệt chú ý tới hiệu quả, hiệu lực của pháp luật

Quản lý nhà nước bằng pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, công dân, bảo đảm sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật, ai thực hiện tốt thì được khen, ai vi phạm thì bị phạt dù ở cương vị nào.

Để pháp luật có hiệu lực cần có các điều kiện :

Pháp luật phải đủ.

Pháp luật phải đến với dân qua tuyên truyền, giáo dục (9-11-1946 Bác về Thái Bình hỏi các cô chú làm gì? Chúng cháu đang tuyên truyền 10 chính sách của Việt Minh. Bác nói, bây giờ có hiến pháp rồi, các cô chú phải tuyên truyền hiến pháp; 1958 thông qua luật hôn nhân gia đình; 1959 về Hà Tây, có một số ý kiến nói vẫn còn hiện tượng chồng đánh vợ. Bác nói, chồng đánh vợ là dã man, đã có luật bảo vệ phụ nữ, đó là luật hôn nhân gia đình, đề nghị các cô chú tuyên truyền luật này.)

Bác lưu ý những người thực thi pháp luật phải công tâm, nếu không công tâm phải dùng pháp luật để trừng trị (31-5-1946 Chính phủ ta có đoàn sang Pháp, có Chu Bá Hùng Bộ Trưởng Bộ Kinh Tế buôn vàng với khối lượng lớn (dư luận cho rằng chính phủ thối nát), sau đó Bác viết khẳng định bằng văn bản trước quốc hội, văn bản viết : chính phủ đã cố gắng liêm khiết, ai không liêm khiết phải trừng trị”, Đại tá Trần Dụ Chân – cục trưởng cục quân nhu – thứ trưởng nông nghiệp bị tử hình.)

- Bác đề cao kết hợp đức trị với pháp trị

Bác chú trọng giáo dục đạo đức cách mạng là để cán bộ đảng viên, nhân dân tự giác thực hiện pháp luật.

Bác nói: “các cô chú làm việc trong lĩnh vực tư pháp nhưng vấn đề cơ bản vẫn là vấn đề ở đời và làm người, đó là vấn đề yêu nước, thương nhân loại bị áp bức.”

II. QUAN ĐIỂM HCM VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CỦA BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

II.1. Tiêu chuẩn cán bộ công chức nhà nước

Về năng lực trong phẩm chất là phải :

Có lòng trung thành với cách mạng, tổ quốc, nhân dân, CNXH.

Hăng hái thảo luận “chính khách ra đi, bộ máy còn mãi mãi”

Gắn bó mật thiết với dân, xa dân sẽ rơi vào quan liêu, cửa quyền, hách dịch.

Quyết đoán dám chịu trách nhiệm, thắng không kiêu, bại không nản. Tránh ỷ lại, thụ động, trung thực, thành khẩn.

II.2. Lựa chọn người vào bộ máy nhà nước

Phải có đủ đức tài, trong đó đức là gốc tài là thảo luận.

Cần thi tuyển chặt chẽ.

Công chức cần phải được học chính trị, pháp luật, hành chính, lịch sử, kinh tế, ngoại ngữ.

II.3. Về bộ máy nhà nước

Bác chú trọng tới việc xây dựng bộ máy nhà nước hiện đại, dân chủ, hiệu lực, hiệu quả.

Chú trọng xây dựng quốc hội, cơ quan lập pháp cao nhất .

Chính phủ hoạt động điều hành phải sắc bén hiệu quả.

Xây dựng nền hành chính quốc gia theo nguyên tắc dân chủ có sự kiểm soát của dân, xây dựng bộ máy tư pháp hiện đại.

Chương 6 - Tư tưởng đạo đức Nhân văn và Văn hoá Hồ Chí Minh

1. TTHCM về đạo đức

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN VÀ VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH

I. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

(Bài Text do bộ phận kỹ thuật cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Các Sinh viên cần theo dõi đầy đủ đoạn phim bài giảng của Giảng viên)

Đạo đức là toàn bộ những quan niệm về thiện ác, lương tâm, danh dự, trách nhiệm, về lòng tự trọng, về công bằng hạnh phúc và về những quy tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa người với người, cá nhân và xã hội.

HCM là lãnh tụ bàn nhiều nhất về đạo đức, nhưng Người thực hành về đạo đức nhiều hơn những điều Người đã nói và viết về đạo đức. Vì thế muốn nghiên cứu đạo đức HCM thì không thể chỉ dừng lại ở những bài viết, bài nói mà phải thâm nhập vào toàn bộ cuộc đời hoạt động của Người và những tiếng nói tâm huyết của các học trò và bạn bè quốc tế về Người.

1. Nguồn gốc đạo đức HCM

1.1. Đạo đức HCM bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc VN

Bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước dân tộc ta đã xây dựng được một hệ giá trị đạo đức độc đáo đặc sắc, đó là: Lòng yêu nước nồng nàn, khát vọng độc lập tự do hạnh phúc. Thấy được sức mạnh của đoàn kết, lấy dân làm gốc, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, chí nhân thay cường bạo. Thủy chung gắn bó cá nhân, gia đình, làng xã, nếp sống nghĩa tình đạo đức, trung hiếu, cần kiệm liêm chính,....

Từ hệ giá trị đạo đức dân tộc này HCM tiếp thu, khai thác, và nâng cao những giá trị đó lên trình độ mới.

1.2. HCM tiếp thu các giá trị đạo đức nhân loại

- Giá trị đạo đức phương đông, trước hết là nho giáo

- Xuất thân từ gia đình tri thức uyên bác nho học, Người thấy những giá trị đạo đức của Nho giáo, coi Nho giáo như khoa học về tu thân dưỡng tính, khắc kỷ, phục lễ, vi nhân, kính trọng người lao động, dân là gốc của nước (dân vi quý, quân vi khinh, xã tắc thứ chi), tứ hải giai huynh đệ, nhân nghĩa, trung hiếu, cần kiệm, liêm chính.
- Người viết: Đạo đức Khổng tử, học vấn của ông, những kiến thức của ông làm những người cùng thời và hậu thế phải cảm phục... Chúng ta hãy tự hoàn thiện đạo đức của mình bằng cách đọc các tác phẩm của ông.
- Người chỉ ra những hạn chế của Nho giáo: Tư tưởng đẳng cấp, coi khinh lao động chân tay, phụ nữ, KHKT, tài năng, dùng học thuyết chính danh quân tử, tiểu nhân để chuyên chế xã hội làm cho xã hội trì trệ, chậm phát triển.

HCM tiếp thu những giá trị đạo đức của tôn giáo:

- Đó là tư tưởng từ bi, cứu nạn cứu khổ, thiện chí, bình đẳng, an lạc, hạnh phúc, sống hòa hợp với môi trường, tôn trọng sự sống dưới mọi hình thức của Phật Giáo.
- Tư tưởng bao dung nhân ái, hy sinh cao cả của Thiên chúa.

- Tư tưởng tự do bình đẳng bác ái, coi trọng con người trong văn hóa phương Tây, trong tuyên ngôn độc lập Pháp, Mỹ.

1.3. Đến với đạo đức Mac-LêNin, HCM đã thực hiện một cuộc cách mạng về đạo đức

Đến với CN Mac-LêNin, HCM đã khám phá ra kho tàng đạo đức MacXit, đó là thứ đạo đức đích thực, cốt lõi là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xã hội, mang lại tự do, ấm no, bình đẳng, hạnh phúc thật sự cho con người, vì sự tiến bộ, phát triển xã hội, đưa nhân loại từ chỗ bị tha hóa đến vương quốc tự do, vương quốc đích thực, chủ nghĩa nhân đạo đích thực.

HCM còn thấy được ở Mac, Aghen, LêNin là những tấm gương đạo đức sáng ngời, họ không chỉ là những lãnh tụ thiên tài về chính trị mà còn là những lãnh tụ giản dị, khiêm tốn, coi khinh xa hoa, yêu lao động, đời tư trong sáng... là hiện thân của tình anh em bốn bể. Họ dạy chúng ta phải cần kiệm, liêm chính.

HCM chỉ rõ đạo đức cũ và đạo đức Mac-Lê Nin đối lập nhau. Đạo đức mới là đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng cá nhân mà vì lợi ích chung của Đảng, dân tộc, nhân loại, nó đòi hỏi phải phá tan xiềng xích nô lệ, xây dựng xã hội mới bình đẳng tốt đẹp cho mọi người.

Tư tưởng đạo đức HCM thuộc hệ tư tưởng vô sản, mang bản chất cách mạng và khoa học, đậm đà bản sắc dân tộc, kết hợp tinh hoa giữa nhân loại, là 1 hệ thống mở phát triển cùng với thực tiễn VN, góp phần tạo dựng bộ mặt văn hóa Việt Nam, là vũ khí tinh thần trong công cuộc xây dựng đất nước theo con đường XHCN.

2. Những đặc trưng bản chất của tư tưởng đạo đức HCM

2.1. Sự thống nhất giữa đạo đức và chính trị

Đạo đức HCM là đạo đức mới, là đạo đức Vô sản, là đạo đức cách mạng nhằm giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người phục vụ tổ quốc, nhân dân, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Các quan điểm đạo đức của người luôn thấm nhuần những tư tưởng chính trị và ngược lại, nhiều quan điểm vừa là chính trị vừa là đạo đức (trung với nước hiếu với dân).

2.2. Thống nhất giữa tư tưởng và hành vi, động cơ và hiệu quả, lý luận và thực tiễn

HCM nói, viết, giáo dục đạo đức luôn gắn với hành động thiết thực, thể hiện bằng kết quả công việc, lý luận đạo đức luôn gắn với đời sống. Mỗi hành vi của Người đều chứa đựng tư tưởng đạo đức cao thượng, đẹp đẽ.

Người thường nhắc nhở: Nói thì phải làm, nói ít làm nhiều, lấy hiệu quả công việc để đo đạo đức, quyết tâm không phải ở hội trường, ở lời nói mà phải thể hiện trong hành động, nói trung với nước hiếu với dân thì nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

2.3. Thống nhất giữa đức và tài

Đức và tài gắn chặt nhau, vì có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, có tài mà không có đức thì vô dụng, thậm chí còn có hại.

Giữa đức và tài thì đức là gốc, trong đức có tài và trong tài có đức, tài càng cao thì đức càng lớn, con người phải có tài và đức thì mới làm tròn nhiệm vụ.

2.4. Thống nhất giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường, giữa việc nhỏ và việc lớn

Người cách mạng phải rèn luyện đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường, trong đó phải đặt đạo đức cách mạng trên hết, hi sinh phấn đấu vì tổ quốc, vì nhân dân, không quên rèn luyện đạo đức trong những việc nhỏ.

Rèn luyện đạo đức trong mọi môi trường, mọi phạm vi từ gia đình đến môi trường đến xã hội, nơi sinh hoạt, công tác và cần phải có sự phối hợp giữa các môi trường để giáo dục đạo đức toàn diện cho con người, rèn luyện đạo đức trong mọi mối quan hệ

2.5. Đạo đức cần cho mọi người nhất là cho những người cách mạng, cho cán bộ, đảng viên

Bác không để lại 1 tác phẩm chuyên về đạo đức, nhưng đạo đức Người đề cập liên quan tới mọi tầng lớp nhân dân, lứa tuổi, ngành nghề.

- Quân đội: Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.
- Công an: Đối với tự mình cần kiệm liêm chính, đối với chính phủ phải tuyệt đối trung thành, đối với nhân dân phải kính trọng lễ phép, đối với công việc phải tận tụy, đối với kẻ địch phải kiên quyết và khôn khéo, đối với đồng sự phải thân ái giúp đỡ.
- Thanh niên: Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, đào núi và lấp biển, có chí ắt làm nên.
- Phụ nữ: Trung hậu, đảm đang.

Thiếu niên: Yêu tổ quốc, yêu đồng bào, học tập tốt, lao động tốt, giữ gìn vệ sinh thật tốt, khiêm tốn thật thà dũng cảm.

Người luôn nhân mạnh phải rèn luyện đạo đức trong điều kiện Đảng cầm quyền .

Người cầm quyền có sức mạnh để bảo vệ thành quả của cách mạng. Nhưng nếu tha hóa đạo đức, người cầm quyền trở thành sâu mọt, tham quyền cố vị, đe dọa sự sống còn của Đảng.

2.6. Tư tưởng đạo đức HCM có vai trò to lớn đối với dân tộc và nhân loại

Những đức tính như khiêm tốn, độ lượng, giản dị, thật thà, tự nhiên, tình yêu nhân loại, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư đã để lại dấu ấn không phai mờ trong lòng dân tộc Việt Nam mà cả với nhân loại tiến bộ trên thế giới hôm nay và mai sau.

3. Quan niệm của HCM về vai trò của đạo đức cách mạng

3.1. Đạo đức cách mạng là nền tảng của người cách mạng, giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối, sức mạnh của người gánh nặng lúc đường xa.

Đạo đức cách mạng là gốc, là nền, là cái tạo ra những cái khác, cái mà những cái khác dựa vào đó để tồn tại và phát triển. Đạo đức cách mạng vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp cách mạng để đưa cách mạng tới thắng lợi.

Người viết: Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội là việc to lớn, nặng nề nhưng rất vẻ vang, mỗi người mà không có đạo đức, tự mình đã không có căn bản, đã hư hóa xấu xa thì làm nổi việc gì?

Đảng viên, cán bộ phải là người có đạo đức cách mạng, phải tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm, danh dự của cả dân tộc, của thời đại. Không thể viết lên trán 2 chữ cộng sản là được quần chúng yêu mến, quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức.

Đạo đức cách mạng là thước đo lòng cao thượng của con người. Mỗi người có một nhiệm vụ, một công việc, người làm việc to, người làm việc nhỏ, nhưng ai giữ được đạo đức cách mạng thì đều là người cao thượng.

3.2. Đạo đức cách mạng góp phần xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới

Theo quy luật, đạo đức văn minh sẽ chiến thắng bạo tàn, con người, ý chí con người sẽ chiến thắng vũ khí súng đạn của kẻ thù.

Nếu có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, lùi bước, gặp thành công, thuận lợi cũng không tự kiêu mà vẫn giữ được tinh thần chất phát, khiêm tốn, lo trước thiên hạ vui sau thiên hạ, không công thần, kèn cựa, quan liêu hủ hóa.

4. Những phẩm chất đạo đức cơ bản của người Việt Nam trong thời đại mới

4.1. Trung với nước hiếu với dân

Trung hiếu là phạm trù đạo đức cũ, nội dung hạn hẹp, trung là trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ. Phản ánh bốn phận của thân dân với Vua, con cái với cha mẹ.

HCM sử dụng những phạm trù đạo đức cũ, nhưng đưa vào những nội dung mới rộng lớn, cao cả mang tính cách mạng, đó là trung với nước, hiếu với dân. Không thể chấp nhận lòng trung thành tuyệt đối của những người bị áp bức, đối với kẻ áp bức mình.

Theo HCM: nhà nước là nhà nước của dân, dân là chủ nhà nước. Vì vậy trung với nước hiếu với dân là thể hiện trách nhiệm với sự nghiệp dựng và giữ nước, với con đường đi lên của đất nước, với cuộc sống hạnh phúc ấm no của nhân dân.

Như vậy người trung với nước là người phải đặt lợi ích của tổ quốc, cách mạng, dân tộc, Đảng lên trên lợi ích cá nhân, phải quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ cách mạng, đưa đất nước tiến theo con đường độc lập dân tộc và CNXH.

Như vậy người hiếu với dân là phải thấy vai trò quyết định và sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân. Vì vậy phải tin dân, học dân, lắng nghe dân, hòa đồng với dân, biết tổ chức nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chăm lo đời sống nhân dân.

4.2. Cần kiệm liêm chính

Người viết: Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng chúng không bao giờ làm mà bắt dân làm để phục vụ chúng. Ngày nay chúng ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho dân theo để làm lợi cho dân cho nước .

Nội dung các khái niệm:

- Cần là siêng năng chăm chỉ cố gắng dẻo dai, bền bỉ.
- Kiệm là tiết kiệm vật tư, tiền bạc của cải, thời gian công sức, không xa xỉ, không phung phí.
- Liêm là trong sạch, không tham lam tiền bạc, của cải, địa vị, danh tiếng.
- Chính là không tà, là thẳng thắn, đúng đắn, điều gì không thẳng thắn, đúng đắn là bất chính là tà.

Mối quan hệ giữa các khái niệm: Cần mà không kiệm thì như thùng không đáy, kiệm mà không cần thì lấy gì mà kiệm. Cần kiệm là gốc rễ, như một cây có gốc rễ lại cần có cành, có lá, có hoa, có quả mới hoàn thiện.

- Cần kiệm liêm chính là cần thiết cho tất cả mọi người, là thước đo bản chất con người, như trời có 4 mùa, đất có 4 phương, người có 4 đức.
- Cần kiệm liêm chính lại càng cần thiết cho cán bộ, đảng viên. Vì thiếu chúng sẽ ảnh hưởng tới uy tín của Đảng, tổn hại cho cách mạng và họ sẽ trở thành sâu mọt của dân, thành kẻ hủ bại.
- Cần kiệm liêm chính là thước đo sự giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần, văn minh tiến bộ của con người, dân tộc và chế độ.
- Cần kiệm liêm chính là nền tảng của đời sống mới, của thi đua ái quốc, là cái cần để làm việc, làm người, làm cán bộ để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và dân tộc, tổ quốc và nhân loại.
- Cần kiệm liêm chính là đặc điểm của xã hội hưng thịnh, trái với cần kiệm liêm chính là đặc điểm của xã hội suy vong.

4.3. Chí công vô tư

Là không nghĩ đến mình trước, hưởng thụ nên đi sau, là lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì dân, vì tổ quốc, là đặt lợi ích của cách mạng của nhân dân lên trên hết. Thực hành chí công vô tư là phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng.

Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, nó khéo léo dỗ dành người ta xuống dốc, nó là giặc nội xâm, nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm, là đồng minh của chủ nghĩa đế quốc, là một thứ vi trùng rất độc hại đẻ ra hàng trăm thứ bệnh nguy hiểm như quan liêu, mệnh lệnh, tham ô, lãng phí, xa hoa, hách dịch, ham danh trục lợi, tự cao tự đại, coi khinh quần chúng, chuyên quyền độc đoán, tranh công đổ lỗi,..

Chủ nghĩa cá nhân ẩn nấp trong mỗi chúng ta chờ dịp là ngóc đầu dậy, gặp dịp thất bại hay thắng lợi. Chủ nghĩa cá nhân là trở ngại lớn cho xây dựng CNXH. Vì thế thắng lợi của CNXH không tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

Bác chỉ rõ: Chủ nghĩa cá nhân khác lợi ích cá nhân, nếu những lợi ích cá nhân không trái với lợi ích tập thể, tổ quốc thì không xấu, chỉ có trong CNXH thì mỗi người mới có điều kiện cải thiện đời sống của mình, phát huy tính cách, sở trường riêng.

4.4. Nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng theo tư tưởng HCM

- Tu dưỡng đạo đức cách mạng bền bỉ suốt đời

Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống, nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Vì thế phải gian nan rèn luyện mới thành công. Rèn luyện phải tự nguyện tự giác.

- Nêu gương đạo đức mới, nói đi đôi với làm

Nói nhưng không làm, nói nhiều làm ít, nói một đường làm một nẻo là đặc trưng của giai cấp bóc lột. Nêu gương đạo đức mới, nói đi đôi với làm, ở phương đông một tấm gương sống về đạo đức còn giá trị hơn 100 bài diễn văn tuyên truyền.

Trong rèn luyện thực hành đạo đức phải chú trọng đạo “làm gương”. Muốn hướng dẫn nhân dân thì mình phải mực thước, khiến cho người ta bắt chước. Hô hào tiết kiệm mình phải tiết kiệm trước làm trước, Đảng viên đi trước làng nước đi sau...

- Xây dựng đạo đức mới đi đôi với chống những hiện tượng phi đạo đức

Chống cái xấu, sai, ác phải đi đôi với xây dựng cái tốt đẹp, cái thiện, trong đó xây là chính. Cách mạng là nhiệm vụ nặng nề, luôn có 3 kẻ thù chống phá là CNDQ, chủ nghĩa cá nhân, những thói quen & tập quán lạc hậu. Đạo đức cách mạng vô luận là lúc nào cũng phải chống 3 kẻ thù trên.

2. TTHCM về nhân văn

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN VÀ VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH (tt)

II. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

(Bài Text do bộ phận kỹ thuật cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Các Sinh viên cần theo dõi đầy đủ đoạn phim bài giảng của Giảng viên)

Tư tưởng nhân văn là trào lưu tư tưởng bàn tới con người, có lịch sử phát triển từ thời phục hưng đến nay.

1. Cơ sở hình thành tư tưởng nhân văn HCM

Tư tưởng nhân văn HCM được hình thành từ tư tưởng nhân văn của dân tộc Việt Nam và nhân loại. Từ những hoạt động thực tiễn phong phú sôi nổi của Người gắn với cách mạng giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng thế giới.

1.1. Truyền thống nhân văn của dân tộc Việt Nam

Dân tộc ta giàu lòng nhân ái, thủy chung, đùm bọc nhau lúc hoạn nạn, tối lửa tắt đèn...

Lòng nhân ái không chỉ thể hiện trong quan hệ giữa người với người, mà cả tình nghĩa với quê hương, xứ sở tổ quốc (khi ta đi đất bồng hoá tâm hồn, Anh đi anh nhớ quê nhà, nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương, nhớ ai dãi nắng dầm sương, nhớ ai tát nước bên đường hôm mai) nước mất, nhà tan, khát vọng lớn nhất là độc lập tự do cho tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Sinh ra trong gia đình bên Ngoại đầy lòng nhân ái, yêu thương quý trọng con người, gia đình văn hoá, yêu nước thương nòi đã đặt những viên đá tảng nền móng đầu tiên cho tư tưởng nhân văn HCM. Quê hương địa linh nhân kiệt giàu truyền thống cách mạng, cần cù lao động, hiếu học bồi đắp dày thêm lòng nhân ái, tư tưởng nhân văn HCM.

1.2. Truyền thống nhân văn phương Đông, phương Tây

Nội bật truyền thống nhân ái phương Đông là đạo nhân nghĩa, lý luận đạo đức cung khoan tín mẫn huệ (cung kính, khoan dung, tin cẩn, siêng năng – chăm chỉ, ban phát tước lộc cho người khác) lòng từ bi, cảm thông chia sẻ, coi làm việc thiện là lẽ sống ở đời, tu nhân tích đức, làm ơn há dễ mong người trả ơn, tránh điều ác (ở hiền gặp lành, ác giả ác báo).

Truyền thống nhân văn phương Tây là lòng bác ái cao cả của Chúa, tư tưởng nhân đạo, tự do, bình đẳng, bác ái của CMTS, giải phóng con người, khẳng định sức mạnh của con người, phát triển khoa học để mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho con người.

1.3. Tư tưởng nhân văn HCM được bồi đắp gắn liền với quá trình hoạt động thực tiễn phong phú của Người

Hành trang ra đi tìm đường cứu nước là lòng yêu nước thương dân vô bờ bến, là nhà cách mạng chuyên nghiệp. Người sống, làm việc, học tập, lao động với những người lao động ở các nước TB, ĐQ, thuộc địa, Người chứng kiến tội ác của CN thực dân, thấu hiểu thân phận những người nô lệ ở các Châu Lục mà người đi qua và rút ra những nhận xét

- Ở đâu CN thực dân cũng tàn ác, vô nhân đạo, ở đâu thì các dân tộc thuộc địa cũng đau khổ
- Đằng sau mỹ từ văn minh, khai hóa, tự do, bình đẳng, nhân quyền là sự giả nhân giả nghĩa của CNTB, Đế quốc và sự đau khổ tột cùng của người dân thuộc địa.
- Dù màu da có khác, chủng tộc, tôn giáo có khác, trên đời này chỉ có hai giống người là người bóc lột và người bị bóc lột và cũng chỉ có một tính hữu ái thật sự, tính hữu ái vô sự mà thôi.

Ở Người nảy nở tình cảm giai cấp, tình thương yêu đồng loại, những người cùng cảnh ngộ, ý thức quốc tế, sự thống nhất giữa cách mạng giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp và giải phóng nhân loại.

1.4. Chủ nghĩa nhân văn Mác Xít

Chủ nghĩa Mác Xít chứa đựng tính cách mạng và khoa học, nó kế thừa tư tưởng nhân văn của nhân loại, nó vạch ra căn nguyên nỗi khổ, bất hạnh của con người là tư hữu TBCN về tư liệu sản xuất và con đường giải phóng tận gốc mâu thuẫn đó.

Đến với CN Mác-Lê Nin, tư tưởng nhân văn HCM được nâng lên trở thành CN nhân văn cộng sản chân chính và khoa học.

2. Nội dung tư tưởng nhân văn HCM

2.1. Yêu thương quý trọng con người

Lòng yêu thương con người của HCM không chung chung trừu tượng mà rất cụ thể, trước hết dành cho những người nô lệ cùng khổ dưới sự áp bức nô dịch của cường quyền bạo lực, thực dân, đế quốc, phong kiến.

Yêu thương những người nghèo khổ, song Người có lòng tin vào trí tuệ, sức mạnh sáng tạo và bản lĩnh con người nghèo khổ vào khả năng tự giải phóng vươn tới tự do, hạnh phúc của họ. Người đã làm hết sức mình để xây dựng, rèn luyện con người, quyết tâm đấu tranh để đem lại độc lập tự do, hạnh phúc cho con người.

Như vậy, lòng yêu thương con người của Hồ Chí Minh khác với lòng từ bi của Phật, nhân ái của Chúa, lòng yêu thương của đáng bề trên đối với chúng sinh vương vào bể khổ trầm luân cần cứu vớt an ủi, che chở.

Yêu thương con người, Hồ Chí Minh luôn khát khao một nền hòa bình thật sự trong độc lập, tự do. Đất nước bị xâm lược, Hồ Chí Minh tìm mọi giải pháp kiến tạo hòa bình, hạn chế tổn thất xương máu cho dân tộc và nhân dân các nước (khác các lãnh tụ khác mang tính anh hùng cá nhân, phiêu lưu,...). CM tháng 8 thành công là cuộc CM ít đổ máu nhất, chủ yếu dùng bạo lực chính trị. Sau CM tháng 8 Pháp quyết cướp nước ta một lần nữa, Người tìm mọi cách để hạn chế đổ máu cho 2 dân tộc (sang Pháp năm 1946 nhằm đẩy lùi cuộc chiến tranh này) “máu nào cũng là máu, người nào cũng là người”.

Hồ Chí Minh coi sinh mạng con người là quý giá nhất, theo Người “không có một trận đánh đẫm máu nào là đẹp cả, mặc dù thắng lợi lớn”. Người quý trọng sức dân, của dân, trọng nhân tài, một việc tốt dù nhỏ nhất, Người nói: ta có yêu dân, kính dân thì dân mới kính yêu ta, Người lắng nghe từng ý kiến của dân, học hỏi bàn bạc công việc với dân, tự phê bình trước dân, trả lời ý kiến của dân, tôn trọng chấp hành pháp luật.

Thương yêu con người, suốt đời Hồ Chí Minh phấn đấu làm cho nước ta hoàn toàn độc lập, nhân dân hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm no áo mặc, ai cũng được học hành, đó là triết lý nhân văn hành động: Ở đời, làm người thì phải yêu nước thương dân, thương nhân loại đau khổ và đấu tranh đem lại tự do, hạnh phúc cho con người.

2.2. Lòng khoan dung độ lượng

Giáo sư Trần Văn Giàu: “Cụ Hồ là người xây dựng lương tri, xây dựng nó khi nó thiếu, tái tạo nó khi nó mất, Cụ thức tỉnh kẻ mê, ân cần nâng đỡ người trượt ngã, biến vạn ức người bình thường thành anh hùng vô danh và hữu danh trong lao động, trên chiến trường, trong ngục tối, trước máy chém kẻ thù...”

Lòng khoan dung thể hiện trong đường lối đoàn kết rộng rãi, lâu dài các lực lượng để hướng vào hành động ích nước lợi dân.

- Mười ngón tay có ngón vắn ngón dài, trong mấy mươi triệu người cũng có người thể này, người thể khác, nhưng dù thể này hay thể khác, cũng đều là nòi giống Lạc Hồng của tổ tiên ta.
- Để kháng chiến, kiến quốc, Người không phân biệt già trẻ, trai gái, đảng phái, dân tộc, tôn giáo,...
- Người khẳng định: Người ta ai cũng có cái thiện, cái ác trong lòng, ta phải biết làm cho cái thiện nảy nở như hoa mùa xuân, cái ác dần ít đi.
- Người thường nói: “Chính sách của chính phủ là xóa bỏ hận thù, đại đoàn kết và hướng tới tương lai”, người trân trọng phần thiện dù là nhỏ nhất của mỗi con người, chú trọng khai thác “tình người” trong mỗi con người, chỉ có lòng khoan dung độ lượng, chí công vô tư của Hồ Chí Minh mới quy tụ lôi kéo được nhiều nhân sĩ có danh vọng của triều đình nhà Nguyễn và trí thức ở Pháp về với CM (Bảo Đại, Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, ...)

Với khiếu bẩm Người đưa ra chính sách có lý có tình để họ yên tâm làm ăn xây dựng đất nước, với truyền thống “đánh kẻ chạy đi chứ không đánh kẻ chạy lại” ..., Người có chính sách khoan

hồng đại lượng với những người lầm đường lạc lối. Người trân trọng mọi ý kiến khác, kể cả những ý kiến trái với suy nghĩ của mình.

2.3. Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của CM

Người tin vào sức mạnh của chính nghĩa, chủ trương đem sức ta tự giải phóng cho ta, tiến lên CNXH.

Người thấy vai trò to lớn của giai cấp CN, nhân dân lao động, sức mạnh của liên minh công nông, Người đặt hoài bão vào thế hệ trẻ: Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có sánh vai cùng các cường quốc 5 Châu hay không?

Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của CM và là vấn đề chiến lược, vì sự nghiệp 10 năm trồng cây, 100 năm trồng người.

3. TTHCM về văn hoá

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC, NHÂN VĂN VÀ VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH (tt)

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa

(Bài Text do bộ phận kỹ thuật cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Các Sinh viên cần theo dõi đầy đủ đoạn phim bài giảng của Giảng viên)

1. Khái niệm văn hóa ở Hồ Chí Minh

Trong tác phẩm Nhật ký trong tù, Hồ Chí Minh nêu định nghĩa văn hóa (VH):

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cũng như biểu hiện của nó mà loài người tạo ra nhằm mục đích thích ứng với nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sinh tồn”.

Người dự định xây dựng nền VH với 5 điểm lớn:

- Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập, tự cường
- Xây dựng luân lý: Biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
- Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong XH.
- Xây dựng chính trị: Dân quyền.

- Xây dựng kinh tế.

Khái niệm trên cho thấy:

- Văn hóa được hiểu theo nghĩa rộng nhất, bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất, tinh thần do con người tạo ra (định nghĩa đi sâu vào cấu trúc và nguồn gốc).
- Văn hóa là động lực giúp con người sinh tồn, là mục đích cuộc sống con người.
- Xây dựng VH phải toàn diện vì văn hóa có bao gồm khoa học, chính trị, xã hội, luân lý, tâm lý, đạo đức, nghệ thuật.

Từ sau CM tháng 8, VH được Người quan niệm là đời sống tinh thần xã hội, thuộc về một bộ phận của kiến trúc thượng tầng (KTTT) xã hội và được đặt ngang với chính trị, kinh tế, xã hội tạo thành 4 mặt của đời sống và đời sống xã hội quần chúng liên quan tới nhau, vì thế:

- Chính trị, xã hội được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng, Chính trị, xã hội được giải phóng thì mở đường cho văn hóa đi lên.
- Xây dựng kinh tế tạo điều kiện cho xây dựng và phát triển văn hóa.
- VH không đứng ngoài mà nằm trong khoa học, chính trị, xã hội; Văn hóa phục vụ khoa học, chính trị, xã hội.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chức năng của VH

2.1. VH góp phần bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn, tình cảm cao đẹp

VH định hướng con người, XH tới cái chân, thiện, mỹ, giúp bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn, tình cảm cao đẹp cho con người, cho xã hội nhằm loại bỏ cái giả, cái ác, xấu, thấp hèn trong tư tưởng, tâm lý con người.

VH phải bồi dưỡng tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường, độc lập tự do, làm cho quốc dân vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng, xây dựng tình cảm lớn như yêu nước, thương nòi, yêu thương con người, yêu tính trung thực, chân thành, ghét thói hư tật xấu, căm thù giặc nội xâm.

VH phải bồi dưỡng lý tưởng độc lập dân tộc gắn với CNXH. Nếu phai nhạt lý tưởng này con người trở nên tầm thường nhỏ bé.

2.2. VH góp phần nâng cao dân trí

Khi CM tháng 8 thành công, Người viết: Nhiệm vụ cấp tốc lúc này là phải nâng cao dân trí, một dân tộc dốt là một dân tộc yếu.

Muốn làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững độc lập, mọi người Việt Nam phải có kiến thức, phải học để biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Khi miền Bắc bước vào xây dựng CNXH, Người viết: chúng ta phải biến 1 đất nước dốt nát cực khổ thành một nước có văn hóa cao, đời sống tươi vui hạnh phúc.

2.3. VH góp phần bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp cho con người, không ngừng hoàn thiện nhân cách con người góp phần phát triển đất nước

Các giá trị VH phải thấm sâu vào tâm lý quốc dân, VH phải sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ, bạo tàn, VH phải soi đường cho quốc dân đi.

VH nghệ thuật là một mặt trận, anh chị em nghệ sỹ là chiến sỹ trên mặt trận ấy. VH phải góp phần vào công cuộc xây dựng CNXH và đấu tranh thống nhất nước nhà.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về giữ gìn và phát huy bản sắc VH dân tộc, tiếp thu tinh hoa VH nhân loại

3.1. Giữ gìn phát huy bản sắc VH dân tộc là cội nguồn cốt tủy tâm hồn Việt Nam, là cội rễ tồn tại của các cá nhân mà tách khỏi nó con người sẽ không thể tồn tại được

Xây dựng nền VH mới phải lấy bản sắc VH dân tộc làm gốc, phải biết kế thừa nâng cao các giá trị VH truyền thống.

(Sau CM tháng 8 có hội nghị toàn quốc về VH, ý kiến nêu lên là ta xây dựng nền VH theo hướng nào? Có người cho rằng ta ở phương Đông nên phải xây dựng theo nền VH theo phương Đông, có người nói văn hóa phương Tây văn minh hơn phương Đông nên ta phải xây dựng nền VH theo phương Tây. Bác nghe và nói: Chúng ta phải xây dựng và phát triển VH theo cái gốc của dân tộc Việt Nam (VH Đông Nam Á lúa nước) và mở cửa tiếp thu VH phương Đông, phương Tây, kim cổ).

ĐH 2 khẳng định: Xây dựng nền VH có tính chất dân tộc, dân tộc ta có 4000 năm lịch sử đã hình thành các giá trị VH vững bền, như CN yêu nước, đoàn kết cộng đồng, anh hùng bất khuất, thông minh, cần cù, sáng tạo... dân ta phải hiểu sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt nam. Nắm chắc VH dân tộc là nắm vững quy luật phát triển của dân tộc Việt Nam.

3.2. Nguyên tắc tiếp thu VH truyền thống

Vừa tiếp thu vừa nâng cao VH truyền thống cho phù hợp với điều kiện hiện đại.

Phải đào thải những yếu tố không còn phù hợp với điều kiện cuộc kháng chiến và công cuộc kiến quốc.

Tiếp thu là phải biết trân trọng những giá trị VH của quá khứ (cả VH dân gian và VH bác học), tránh phủ định sạch trơn.

3.3. Đảng cầm quyền phải có VH, phải có hành vi ứng xử đúng đắn với di sản VH quá khứ

Kẻ thù của những người cộng sản thường nói những người cộng sản không trân trọng quá khứ, Bác khẳng định: Nhiều giá trị hiện đại bắt nguồn từ quá khứ. Người cộng sản theo CN Mác, hiểu quan điểm biện chứng của Mác phải biết kế thừa những giá trị VH của quá khứ.

3.4. Phát triển VH dân tộc phải biết tiếp thu VH của nhân loại

Muốn nâng mình lên thì phải mở cửa hội nhập vào thế giới, tiếp thu tinh hoa VH nhân loại, cần phải làm giàu VH của mình bằng tinh hoa của mỗi dân tộc trên thế giới.

Nội dung tiếp thu là phải giao lưu, như Bác Hồ đã tiếp thu CN Mác Lê Nin – lý luận tiên tiến của thời đại.

Năm 1945, CM vừa thành công, Việt Nam chưa được nước nào công nhận, Bác viết thư cho Bộ trưởng ngoại giao, tổng thống Mỹ xin gửi 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ học KHKT, công nghiệp và nông nghiệp và chuyên môn khác về xây dựng đất nước và tạo điều kiện cho nhân dân 2 nước hiểu nhau.

Người nhấn mạnh ta phải học khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật của Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô, tiếp thu kinh nghiệm quản lý, phong cách, tác phong làm việc của con người các nước công nghiệp.

Tiếp thu phải chọn lọc, kế thừa cái gì có ích, làm phong phú cho nền VH dân tộc ta thông qua lăng kính chủ nghĩa yêu nước.

Tiếp thu VH thế giới nhưng phải có nhiệm vụ bổ sung vào nền VH chung của thế giới, phải giữ gìn cho được bản sắc VH dân tộc Việt Nam.

Thế giới có hơn 200 nước, chỉ có 33 nền VH, trong đó VN là 1 trong 33 nền VH. Đây là quan điểm song phẳng có vay có trả.

4. Quan điểm HCM về tính nhân dân của nền văn hóa

Nền văn hóa của ta là nền văn hóa mang tính chất nhân dân sâu sắc, thể hiện ở các nét sau đây:

- Đối tượng phản ánh của văn hóa là cuộc sống lao động chiến đấu học tập của mọi tầng lớp nhân dân, phản ánh tâm tư nguyện vọng, khát vọng của quần chúng, đòi hỏi các văn nghệ sỹ phải đi sâu lột tả.
- Nhân dân là chủ thể sáng tạo văn hóa. Những sản phẩm văn hóa của quần chúng là những viên ngọc quý cần trân trọng, gìn giữ và phát huy
- Văn hóa phải phục vụ người dân, người dân được quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, để phục vụ nhân dân được tốt thì văn hóa phải thực hiện:
 - Có nội dung hay (một tác phẩm hay là một tác phẩm mà người ta tìm đọc từ đầu đến cuối, đọc xong người ta trầm trở, thấy có ích, thấy dần vật về con người của tác phẩm đó.)
 - Sản phẩm văn hóa đó phải có tính đại chúng về hình thức (không cầu kỳ, không trừu tượng, dễ hiểu, dễ vào lòng người). Năm 1960, Hội Họa sỹ VN có tổ chức triển lãm tranh về đề tài công nhân, Bác xem và không ghi nhận xét gì, làm cho đồng chí tổ chức triển lãm đó rất bâng khuân, Bác viết: “Vẽ như ri, xem làm chi, thế cũng gọi là đại chúng, đại chúng gì” tác phẩm trừu tượng quá dân không hiểu.

5. Quan điểm của HCM về xây dựng nền văn hóa mới

Nền văn hóa mới là bộ phận hợp thành của cách mạng CMXH. Từ 1942 -1943, Bác soạn thảo chương trình xây dựng nền văn hóa gồm 5 điểm, khái niệm văn hóa, xây dựng nền văn hóa có 4 mặt.

- Xây dựng nền VH nghệ thuật.
 - Xây dựng VH giáo dục (có nhiệm vụ xây dựng những con người tốt, những cán bộ tốt để xây dựng đất nước, con người tốt là có đức, trí, thể, mỹ, kỹ thuật, thực hiện phương châm học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền CNXH, lý luận gắn liền thực tiễn, xây dựng đội ngũ giáo viên có đủ tài, đức. Bác đánh giá giáo viên là anh hùng, anh hùng vô danh).
 - Xây dựng đời sống, gồm xây dựng cả lối sống nếp sống, chú trọng nếp sống, cần kiệm chí công vô tư.
 - Xây dựng VH chính trị, trong đó đảng cầm quyền thì đảng phải có VH, trí tuệ, đạo đức, lương tâm, mới đủ tầm hướng dẫn cả dân tộc
- Về phương châm xây dựng nền văn hóa mới

- Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thì xây dựng nền văn hóa mang tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng.
- Trong CMXHCN thì phải xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và có tính chất dân tộc.
- Đảng ta kế thừa, phát triển TTHCM về văn hóa khẳng định: Xây dựng nền văn hóa VN tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

Chương 7 - Vận dụng và phát triển TTHCM trong công cuộc đổi mới hiện nay

1. Những quan điểm cơ bản

VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TTHCM TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

I. Những quan điểm cơ bản cần nắm vững trong việc nhận thức và vận dụng TTHCM

(Bài Text do bộ phận kỹ thuật cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Các Sinh viên cần theo dõi đầy đủ đoạn phim bài giảng của Giảng viên)

I. Những quan điểm cơ bản

Muốn vận dụng, TTHCM trong công cuộc đổi mới hiện nay phải:

- Nắm vững TTHCM, hiểu những nội dung cốt lõi của hệ thống đó.
- Phải nắm vững CN Mác-Lênin. Vì TTHCM có nguồn gốc từ CN Mác-Lênin.

1. Quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn

HCM luôn nhắc nhở: Chúng ta cần phải nâng cao sự tu dưỡng về CN Mác-Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp luận của CN Mác mà tổng kết kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn, những đặc điểm của nước ta, có như vậy chúng ta mới hiểu được quy luật phát triển của cách mạng VN và định ra đường lối, phương châm, bước đi của cách mạng thích hợp với điều kiện nước ta.

Theo Bác: nắm vững không phải là thỏa mãn mỗi yêu cầu và hiểu biết, mà phải vận dụng vào thực tiễn phục vụ lợi ích cách mạng. Bản thân Bác đến với CN Mác trước hết vì nhiều mục tiêu cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc. Người luôn luôn coi lý luận là kim chỉ Nam cho hành động, vận dụng lý luận một cách sáng tạo vào điều kiện hoàn cảnh của nước ta, thông qua sự phát triển của thực tiễn mà bổ xung phát triển hoàn thiện CN Mác Lênin.

Muốn vận dụng và phát triển TTHCM thì phải vững vàng trên quan điểm lập trường và phương pháp CN Mác-Lênin.

Theo HCM, lập trường là phải lập trường của giai cấp công nhân. Và ý thức làm chủ đề giải quyết đúng đắn vấn đề theo thực tiễn đặt ra.

Quan điểm là cách thức nhận thức, hiểu biết các sự vật hiện tượng theo quan điểm CN Mác–Lenin.

Phương pháp luận là phương pháp: Biện chứng duy vật, phải thấy XH như một cơ thể thống nhất và vận động phát triển theo qui luật khách quan, Người nói: Lý luận không phải là cái gì đó cứng nhắc, lý luận đầy tính sáng tạo, luôn bổ xung bằng những kết luận mới rút ra từ thực tiễn sinh động, lý luận mà không gắn với thực tiễn là lý luận suông, thực tiễn mà không theo lý luận là mù quáng, lý luận phải đem ra thực hành, thực hành phải theo lý luận.

2. Quan điểm toàn diện hệ thống

HCM luôn đánh giá sự vật, hiện tượng con người một cách toàn diện, tránh chủ quan, phiến diện, cục bộ, một chiều.

Tư tưởng HCM là một hệ thống nhất quán, từ CM giải phóng dân tộc cho đến cách mạng CNXH, từ giải phóng con người cho đến giải phóng giai cấp, giải phóng nhân loại. Độc lập dân tộc và CNXH là cốt lõi TTHCM, nếu tách rời các yếu tố của hệ thống đó là xa rời TTHCM, trung thành với TTHCM không có nghĩa là chúng ta trung thành từng câu từng chữ, từng lời, mà phải nắm vững cốt lõi tư tưởng của Bác, đó chính là ham muốn tốt nhất là làm cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Ham muốn đó chỉ có thể thực hiện được trong CNXH trên cơ sở đất nước có hòa bình, độc lập, tự do.

3. Quan điểm lịch sử cụ thể

Nghiên cứu TTHCM phải theo quan điểm lịch sử cụ thể, tránh hiện đại hóa tư tưởng, tránh giản đơn hóa, suy diễn chủ quan làm sai lệch tư tưởng.

Là một nhà chiến lược thiên tài, người luôn có cách ứng xử linh hoạt, sáng tạo, độc đáo phù hợp với tình hình, hoàn cảnh từng lúc từng nơi. Vì thế mỗi quan điểm Người đưa ra đều gắn với hoàn cảnh điều kiện nhất định, nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể nhất định. (ví dụ: Sau Cách mạng tháng 8, các thế lực thù địch chia mũi nhọn vào Đảng ta, nhằm diệt Cộng, cầm Hồ). Để bảo vệ Đảng, HCM tuyên bố Đảng cộng sản Đông dương tự giải tán, nhưng thực ra Đảng rút vào hoạt động bí mật, vì thế ta thấy ít khi Bác đề cập tới Đảng. Bác viết: nay vì hoàn cảnh đặc

biệt buộc tôi phải đứng ra ngoài các đảng phái, tôi chỉ có một tin tưởng vào dân tộc VN, nếu cần có đảng đó là đảng của dân tộc VN, nếu căn cứ vào câu trả lời đó mà quy kết HCM không phải là người Cộng sản, thì hoàn toàn không đúng. (Ví dụ: Tháng 8-1944 trả lời Trương Phát Khuê: Tôi là người cộng sản nhưng điều tôi quan tâm hiện nay là độc lập tự do của dân tộc tôi chứ không phải là CNCS), nếu căn cứ vào câu trả lời đó mà quy kết HCM không phải là người cộng sản, thì hoàn toàn không đúng. Hay Anghen và CácMác đã viết ra tuyên ngôn Đảng Cộng sản vào tháng 2-1848, năm 1872 Anghen có xem lại tuyên ngôn ĐCS lời nói đầu thì ông nói: “Đến nay tình hình đã khác trước, nếu được phép viết lại thì chúng tôi sẽ viết khác đi, nhưng nó là văn kiện lịch sử nên không cho phép chúng tôi viết khác lại.”

4. Quan điểm kế thừa và phát triển

Trung thành với TTHCM là phải biết kế thừa và phát triển những tư tưởng của người trong điều kiện lịch sử mới. HCM dạy rằng; Mục đích bất di bất dịch của chúng ta là hòa bình, độc lập, thống nhất, nguyên tắc vững chắc, sách lược mềm dẻo, dĩ bất biến ứng vạn biến.

Trong điều kiện lịch sử mới phải đổi mới sách lược, cách làm, hình thức, bước đi để thực hiện hoài bão của Bác. Độc lập thống nhất đất nước, tự do cơm áo cho dân, công bằng hạnh phúc, hòa bình hữu nghị giữa các dân tộc, làm cho dân tộc ta thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh

2. Những nội dung chủ yếu

VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TTHCM TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

(tt)

II. Những nội dung chủ yếu trong việc vận dụng và phát triển TTHCM trong công cuộc đổi mới ở nước ta

(Bài Text do bộ phận kỹ thuật cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Các Sinh viên cần theo dõi đầy đủ đoạn phim bài giảng của Giảng viên)

1. Phương hướng vận dụng tư tưởng HCM

Nắm vững thực tiễn của đất nước ta, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa CN Mác – Lênin, TTHCM vào giải đáp đúng đắn những vấn đề thực tiễn của đất nước, xây dựng CNXH từ một nước lạc hậu, trải qua 30 năm chiến tranh tàn phá hậu quả chiến tranh rất nặng nề, bỏ qua chế độ TBCN bị các thế lực thù địch chống phá, chế độ XHCN ở Liên Xô, Đông Âu không

còn, khó khăn chồng chất, nhưng với bản lĩnh Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới lấy dân làm gốc, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dựa vào dân tham khảo kinh nghiệm các nước không sao chép máy móc các mô hình sẵn có nào, phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, tinh thần cách mạng chiến công, thực chất chúng ta là quay lại tư tưởng của Bác, nhờ đó CM nước ta thoát khỏi hiểm nghèo, kinh tế phát triển nhanh, đất nước ta bước vào thời kỳ rất sáng, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Nội dung vận dụng

2.1. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH

Đẩy mạnh giáo dục chủ nghĩa yêu nước, gắn liền chủ nghĩa yêu nước với lý tưởng XHCN. Trong đêm trường nô lệ, HCM đã tìm được con đường đúng đắn nhất của dân tộc ta là độc lập dân tộc và CNXH. Bất chấp khó khăn thách thức, dân tộc ta vững vàng trên con đường đó và đạt được những thắng lợi vĩ đại. Ngày nay con đường này còn nhiều chướng ngại, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục kiên định con đường đã chọn, vượt mọi khó khăn để gắn chủ nghĩa yêu nước với CNXH. Bác nói: ngày nay yêu nước là yêu CNXH, yêu CNXH làm cho yêu nước thì càng thấm thía hơn.

2.2. Quán triệt tư tưởng dân là gốc

Sự nghiệp đổi mới là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, cho nên mọi chủ trương chính sách của Đảng ta đều xuất phát từ dân, dựa vào dân mà thực hiện. Do đó cần phải phát triển nguồn nhân lực con người, đào tạo đội ngũ cán bộ tốt, đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khơi dậy, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, coi dân chủ là mục tiêu, là động lực để xây dựng đất nước, chú trọng nâng cao ý thức làm chủ cho nhân dân.

2.3. củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong mặt trận dân tộc thống nhất

Khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường, giải quyết đói nghèo, thu hẹp khoảng cách, ranh giới giữa Kinh và Thượng, giữa nông thôn và thành thị, củng cố khối đại đoàn kết 54 dân tộc anh em, chăm lo đời sống đồng bào dân tộc ít người, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, tôn trọng tín ngưỡng tôn giáo, các tập quán tốt đẹp của dân tộc, kiên quyết loại bỏ những âm mưu lợi dụng tôn giáo, tà giáo để gây rối.

2.4. Làm tốt công tác xây dựng đảng và xây dựng chính quyền